

GIÓ ĐÀU MÙA

THẠCH LAM
Trong TỰ LỤC VĂN ĐOÀN



MINH ĐỨC XUẤT BẢN

**GIÓ
ĐẦU MÙA**

Thạch Lam

*Minh Đức
xuất bản 1956*

gió
đầu mùa

Thạch Lam

Bìa: NXB Minh Đức

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

gió
đầu mùa

THẠCH LAM

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương



Chân dung nhà văn Thạch Lam
(1910 – 1942)

**Nhà văn Thạch Lam:
Tiểu sử, sự nghiệp
và những tác phẩm nổi tiếng**

Nhà văn Thạch Lam – Một cây bút giàu xúc cảm, ông được biết đến là một trong những nhà văn nổi tiếng của nền văn học hiện đại Việt Nam vào giai đoạn những năm 1930 – 1945. Để hiểu rõ hơn về nhà văn này hãy cùng chúng tôi đi tìm hiểu thông tin về tiểu sử, sự nghiệp, cũng như những tác phẩm nổi tiếng để bạn có cái nhìn khái quát hơn về cuộc đời của nhà văn.

Đôi nét về tiểu sử nhà văn Thạch Lam

Nhà văn Thạch Lam, tên thật là Nguyễn Tường Vinh (1910 – 1942), sau đó đổi tên thành Nguyễn Tường Lân và lấy bút danh là Thạch Lam. Nguyên quán của ông là tại Hà Nội, ông sống trong một gia đình công chức gốc quan lại trong giai đoạn đất nước sa sút.

Cha của ông là Nguyễn Tường Nhu, sinh năm 1881, là một người thông thạo cả chữ Hán và chữ Pháp, làm Thông Phán Tòa Sứ. Mẹ của Thạch Lam là bà Lê Thị Sâm, con gái cả của ông Lê Quang Thuật, người gốc Huế, đã 3 đời làm quan võ cùng thời với Huyện Giám (tức ông nội Thạch Lam).

Ông bà Nhu sinh cả thảy được 7 người con, trong đó có 6 người con trai và 1 người con gái. Trong 7 người con thì ngoài người con trai tên Tường Thụy làm công chức, tất cả những người con lại ít nhiều đều tham gia và con đường sự nghiệp văn chương. Trong số đó nổi bật nhất có Tường Tam, Tường Long và Tường Vinh (nhà văn Thạch Lam).

Vào năm 1918, ông Nguyễn Tường Nhu cha của nhà văn Thạch Lam mắc bạo bệnh và qua đời. Kể từ đó, một mình mẹ phải mua bán tần tảo để nuôi một người mẹ chồng và 7 đứa con.

Ở Cẩm Giàng, Thạch Lam học tại trường tiểu học Hải Dương, nay là trường tiểu học Tô Hiệu. Cho đến khi người anh cả là Nguyễn Tường Thụy đã học xong ra trường và về dạy học ở Thái Bình, mẹ

ông quyết định đưa cả nhà về Thái Bình sinh sống.

Nhưng sống ở đây được 1 năm, làm vẫn không nuôi đủ mấy miệng ăn, mẹ ông lại quyết định dẫn các con về Hà Nội ở nhà thuê và sinh sống ở đây.

Nhiều năm sau đó, Thạch Lam thi đỗ vào trường Cao Đẳng Canh Nông ở Hà Nội, nhưng sau đó một thời gian ông chuyển vào trường trung học Sarraut để học thi Tú tài.

Sự nghiệp văn chương của nhà văn Thạch Lam

Sau khi đã đỗ Tú Tài lần thứ nhất, Thạch Lam thôi học để chuyển về làm báo với 2 người anh trai. Những buổi đầu, nhà văn Thạch Lam tham gia vào Tự Lực

văn đoàn do người anh trai là Nguyễn Tường Tam sáng lập và được phân công biên tập tuần báo Phong Hóa và tờ Ngày Nay của văn đoàn này. Đến năm 1935, ông được giao làm chủ bút của tờ Ngày Nay.

Khoảng năm 1935, khác với các anh trai là đều lấy vợ qua mai mối và được bố mẹ chấp nhận mới cưới, còn Thạch Lam lấy vợ hoàn toàn do sự lựa chọn của cá nhân. Năm 1935 ông lấy vợ và được người chị là Nguyễn Thị Thế nhường lại cho căn nhà nhỏ ở tại đầu làng Yên Phụ, ven Hồ Tây.

Nhà văn Thạch Lam được biết đến là một cây bút thiên về tình cảm, hay viết lại chính những cảm xúc của mình trước những số phận hẩm hiu, nghèo khổ của người nghèo, nhất là phụ nữ trong xã hội cũ nát, sống vất vả, chịu đựng, trầm lặng

và trong đó có cả sự hy sinh (trong tác phẩm Cô hàng xén).

Có truyện ông viết với sự cảm thông sâu sắc về một gia đình đông con, sống một cuộc sống cơ cực trong xóm chợ (trong tác phẩm Nhà mẹ Lê). Ngoài ra ông còn viết tiểu luận kiểu tùy bút, ghi lại những gì mà ông suy nghĩ về nghệ thuật. Cuốn Hà Nội ba sáu phố phường được nhà văn Thạch Lam miêu tả lại có trong đó hương vị đậm đà của quê hương, nhưng cũng vô cùng gợi cảm.

Ngày 27/06/1942, nhà văn Thạch Lam ra đi khi mới ở độ tuổi 32 vì mắc phải căn bệnh lao phổi. Ông ra đi, để lại người vợ trẻ và 3 người con trong gia cảnh nghèo khó.

Những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Thạch Lam

Hầu hết những tác phẩm của nhà thơ Thạch Lam đều được đăng báo trước khi in thành sách, một số những tác phẩm nổi tiếng của ông phải kể đến như:

1. Gió lạnh đầu mùa – Tập truyện ngắn (NXB Đời nay, 1937);
2. Nắng trong vườn – Tập truyện ngắn (NXB Đời nay, 1938);
3. Ngày mới – Tập truyện dài (NXB Đời nay, 1939);
4. Theo giòng – Bình luận văn học (NXB Đời nay, 1941);
5. Sợi tóc – Tập truyện ngắn (NXB Đời nay, 1942);

6. Hà Nội ba sáu phố phường – Tùy bút (NXB Đời nay, 1943);

7. Quển sách và Hạt ngọc – Truyện viết cho thiếu nhi (NXB Đời nay, 1940);

Những tác phẩm của nhà văn Thạch Lam có rất nhiều những yếu tố hiện thực. Tuy nhân vật không dữ dội như Chí Phèo, Lão Hạc của Nam Cao, hay cuộc đời tăm tối không lối thoát như Chị Dậu của Ngô Tất Tố,... Nét riêng, độc đáo, cái mạnh của Thạch Lam, đó chính là lòng nhân ái và những vẻ đẹp tâm hồn trong mọi tác phẩm của ông.

Những nhân vật trong các tác phẩm của ông dù ở bất cứ hoàn cảnh nào đi chăng nữa nhưng trong tâm hồn của họ vẫn ánh lên cái chất lòng nhân ái của con người Việt Nam. Đọc truyện ngắn Thạch Lam ta thấy được sự yêu thương và quý

trọng con người với nhau hơn và cũng chính từ đó tác cảm thấy được sự thương cảm trong mỗi một con người.

Nhà văn Thạch Lam – Một cây bút giàu xúc cảm, qua những dòng thông tin trên, hy vọng bạn đã có cái nhìn rõ ràng hơn về tiểu sử, cuộc đời sự nghiệp, cũng như những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn này.

Nguồn: <https://hoinhavanvietnam.vn/nha-van-thach-lam/>

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

NẮNG TRONG VƯỜN

SỢI TÓC

NGÀY MỚI

THEO DÒNG

HÀ NỘI 36 PHỐ PHƯỜNG

GIÓ ĐẦU MÙA

MỤC LỤC

Tựa	21
Lời nói đầu	31
1. Đứa con đầu lòng	35
2. Nhà mẹ Lê	49
3. Những ngày mới	66
4. Duyên số	81
5. Một cơn giận	93
6. Tiếng chim kêu	111
7. Cái chân què	123
8. Đói	135

9. Cô áo lụa hồng	160
10. Một đời người	175
11. Người lính cũ	189
12. Hai lần chết	201
13. Gió lạnh đầu mùa	221

TỰA

VIẾT TRUYỆN NGẮN NÀO CÓ KHÓ GÌ ĐÂU. Một sự xảy ra ở ngoài phố làm rung động trái tim ta, một câu chuyện thuật trong phòng khách làm nở một nụ cười khoái trá trên môi ta, một khu rừng âm u lạnh lẽo, một xóm nhà tranh rải rác dưới ven đồi, một cái quán bán nước, một cái xe với anh phu kéo... Hay không cái gì cả, sự trống rỗng một phút, một giây của tâm hồn. Những cảnh tượng ấy, dù trọng dù khinh đều là đầu đề câu truyện ngắn, đều kích thích trí nghĩ ta mà ngấm ngấm tự cấu tạo nên

một câu truyện ngắn. Ta chỉ việc viết lên giấy những điều trông thấy, nghe thấy và những ý tưởng nảy ra trong thâm tâm ta. Có thể thôi. Cái khó – nếu quả có cái khó – chỉ ở chỗ phải biết có thể thôi.

Đó là quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam, tác giả tập truyện “Gió đầu mùa”.

Một gia đình hai vợ chồng trẻ với đứa con đầu lòng mới ra đời, một dãy phố chợ tồi tàn với bọn ngụ cư nghèo đói, cái vui sướng của một người thất nghiệp về làng sống với dân quê, sự đùa bỡn oái oăm của duyên số, cái kết quả tai hại của một cơn giận, sức áp bức quyết liệt của sự đói, cái chết đau đớn của người bạn trẻ nghèo. Toàn truyện giản dị cả. Muốn tả những sự xảy ra hàng ngày ấy tác giả không cần đến những tình tiết ngoắt ngoáy tối tăm, nhiều khi rất trẻ con mà ta thấy nhan

nhân trong những truyện kiểu cách, lòe loẹt của những nhà văn thiếu thành thực.

Thành thực, đó là đức tính không có không được của nhà văn. Ở Thạch Lam, sự thành thực lại trở nên sự can đảm. Đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rùng rợn cả tâm hồn vì sự thành thực (những đoạn tả trong truyện “Ngày Mới”).

Tôi xin thú thật rằng những điều xét nhận gay go về mình, và những người sống chung quanh mình, tôi cũng thường có, song vị tất đã dám viết ra. Nhưng sao lại thế nhỉ? Đúng lẽ bọn nhà văn chúng ta ai ai cũng phải can đảm hơn người thường. Đáng lẽ ta phải mạnh bạo viết những điều mà mỗi người, mà ta, nhất là ta, giấu kỹ ở tận đáy linh hồn, những nỗi băn khoăn, những sự vui mừng lo sợ, tức tối, thèm muốn, ghen ghét đang ẩn náu trong khối óc, trong trái tim ta. Tôi vẫn

ước ao cái can đảm mà tôi thấy ở Tolstoi, mà trong đám văn sĩ mới nước ta tôi thấy ở Thạch Lam.

Lòng ta là một thế giới mênh mông. Nếu ta để trí suy xét của ta len vào cách ngách, các nơi kín tối, chăm chỉ tìm tòi ta sẽ thấy nhiều sự mới lạ. Tưởng sống tới trăm tuổi ta cũng không biết thực rõ được lòng.

Phải tả chân thường khoe khoang chỉ suy xét theo phương diện khách quan, liệu có được không? Tả một người giận dữ mà chỉ tả những hiện trạng của sự giận dữ thì bức tranh của ta không thể đầy đủ được.

Muốn nó đầy đủ, ta phải hỏi lòng ta, ta phải hỏi ký ức ta xem khi ta giận thì trí nghĩ và tính tình ra sao, thì cảm giác ta ra sao, hơn thế, ta phải sống lại một cơn giận. Người chủ động trong truyện “một

cơn giận” của Thạch Lam có thể chỉ là Thạch Lam. Ông tự vệ ông. Nhưng cũng có thể là bức tranh tả chân hết thấy ai ai trong một cơn giận vô lý giữa lúc ta thấy “lòng ta chán nản và buồn bực, những ngày tự nhiên không hiểu sao ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng”.

Có lẽ vì không bao giờ rời bỏ phương diện chủ quan nên Thạch Lam dễ làm ta rung động: trước ta, chính ông đã rung động. Tả cái lạnh đầu mùa, ông nhớ ngay cái cảm giác mà ông có một đêm mưa rào, rồi bỗng trở ra gió bắc “Gió lạnh đầu mùa”. Ông tả cái ngõ hẻm ở một xóm quê bằng cái cảm giác của ông đi qua nơi đó. (Một cái cảm giác mát lạnh bỗng tràn lên hai vai. Tân ngưỡng đầu lên nhìn; chàng vừa đi vào dưới vòm tre xanh trong ngõ) “Trở về”.

Cả đến một buổi gặt, ông cũng tả bằng cảm giác của ông. (Tân chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn, mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất với mùa rạ ướn mới cắt. Mùi thơm đó làm chàng say sưa như men rượu). “Những ngày mới”.

Nếu ta có thể chia ra hai hạng nhà văn. Nhà văn thiên về tư tưởng và nhà văn thiên về cảm giác, thì tôi quả quyết đặt Thạch Lam vào hạng dưới. Ở chỗ mà người khác dùng tư tưởng, dùng lời có khi rất rậm để tả cảnh, tả tình, ông chỉ nói, nói một cách rất giản dị cái cảm giác của ông. Các cảm giác ấy bao quát hết tư tưởng của tác giả và của độc giả, và của độc giả nhiều khi đi xa hơn, sâu hơn trí, vì có cái cảm thấy mô tả không thể đúng tư tưởng để mô tả, để giải phân cái cảm giác của ta ra được, dù là một cái cảm giác nhẹ

nhàng, cái rung động khẽ như cánh bướm non ấy là một tình cảm sâu xa.

Thực vậy, những cái cảm giác đậm mạc như thế mà ta thấy trong khắp các truyện của Thạch Lam đều giấu một tình sâu xa. Tác giả, mà ta tưởng rất điềm tĩnh, kỳ thực là một người có những tính tình mãnh liệt, quá khích nữa. Đứng trước sự khốn khổ của bác Lê, tác giả chỉ thủ thủ nói:

“Giá cứ có người muốn làm thì cũng không đến nỗi”. Nhưng trong cái thủ thủ ấy ta cảm thấy lòng tức giận, lòng oán trách xã hội lên đến cực điểm. Sáu năm xa cách, người con giàu có về thăm mẹ già nghèo ở nhà quê, khi hẳn ta từ già bà cụ ra đi, tác giả thản nhiên, lạnh lùng viết:

“Ra đến ngoài Tân nhẹ hẫng mình. Chàng tự cho đã làm xong bốn phận”.

nhưng sự lạnh lùng ấy giấu một tính tình khinh bỉ, một cảm tưởng chua chát không biết đến chừng nào. Những kẻ giàu có huênh hoang trong bọn trưởng giả như người con trong truyện “Trở về”. Thạch Lam rất ghét, cũng như ông rất yêu, rất thương bọn nghèo đói, bọn bác Lê, anh Sinh, anh Du... Ông đem hết tâm hồn ra để ghét, tuy ông chỉ lãnh đạm nói đến họ. Lòng ghét âm thâm và dữ dội của ông có khi làm cho ông thiên lệch. Một lần nghe tôi đọc đến tên một người bạn mới giàu sang, ông chau mày nói: “Ồ! Tôi ghét hẳn ta lạ”. Tôi chưa kịp hỏi vì lẽ gì thì ông đã tiếp:

“Trông cái má hăn ta phình phính, cái bụng hăn ta xệ xệ!”

Rồi ta sẽ thấy trong những tác phẩm của Thạch Lam rất nhiều nhân vật có cái bụng xệ. Thạch Lam sẽ trút lên đầu họ

hết cả sự căm tức, oán trách một xã hội trưởng giả, bất công, tàn ác đối với những khốn khổ đáng thương mà Thạch Lam tha thiết bênh vực an ủi.

Khái Hưng
3-9-1937

LỜI NÓI ĐẦU

KHI NÀO THU BẮT ĐẦU HẾT, KHI NẮNG vàng hanh dần mất vẻ rực rỡ trên các lá cây, ngọn gió heo may sẽ từng cơn nhẹ lướt trên cánh đồng rộng, đem lại cho ta những cái rùng mình mới mẻ, như đã lẫn cái buồn ảm đạm của ngày mùa đông.

Trước ngọn gió đầu mùa, tôi không khỏi ngẩn được những cảm giác sâu xa và mới lạ. Tôi đem tâm nghĩ ngợi đến những cơn gió đột khởi ở lòng người;

báo trước những sự thay đổi trong cái bí mật của tâm hồn. Tôi lại nghĩ đến những người nghèo khổ đang lẩm than trong cái đói rét cả một đời, gió heo may sẽ làm cho họ buồn rầu lo sợ, vì mùa đông sắp tới, mùa đông giá lạnh và lầy lội phủ trên lưng họ cái màn lạnh lẽ của sương mù và lòng tôi sẽ lại, khi nghĩ rằng chỉ một chút âu yếm, một chút tình thương, cũng đã nâng đỡ an ủi những người cùng khổ ấy.

Đó là những ý nghĩ mà gió đầu mùa đã gây nên trong trí tôi những câu truyện trong quyển sách, tôi viết ra cũng như những cảm giác mới mẻ mà tôi đã thấy. Tôi hết sức diễn tả cho đúng tất cả sự thực rung động và thú vị của cuộc đời. Tôi không có ý muốn kể những truyện thần tiên hay lãng mạn, nhưng những cảm tưởng của tôi với đời kín đáo và

giản dị quanh mình. Bởi vì đối với tôi, văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn.

Thạch Lam.

ĐỨA CON ĐẦU LÒNG

TÂN NHỚ LẠI MỘT CÁCH RÕ RÀNG NHỮNG giờ chàng chờ đợi trong căn phòng ở hộ sinh viện. Thì giờ lúc ấy sao hình như đi chậm thế! Tân tưởng cái buổi ấy kéo dài ra mãi không bao giờ hết. Chàng nóng ruột như lửa đốt, đi đi lại lại trong phòng, ngồi xuống chiếc ghế ở bên tường một lát rồi đứng dậy. Chàng đưa mắt nhìn qua những bàn ghế giản dị và sơn trắng, xếp đặt một cách gọn ghẽ. Rồi chàng chăm

chú nhìn cái cánh cửa đóng ở góc phòng. Bên kia cánh cửa, vợ chàng đang chờ đợi cái bí mật lạ lùng của sự sinh nở. Thỉnh thoảng cửa phòng hé mở, một cô đỡ mặc trắng rón rén bước ra. Tân thoáng nghe thấy những tiếng kêu khe khẽ và đau đớn. Chàng để ý dò xét nét mặt của cô đỡ nhưng vẫn thấy cô ta bình tĩnh như thường, nhẹ nhàng đi ra ngoài lấy chai nước hay cái khăn mặt.

Rồi cuộc chờ đợi khó chịu ấy hết. Tân nghe thấy mấy tiếng kêu thét trong phòng bên đưa sang, tiếp đến tiếng trẻ con khóc. Một lát, cánh cửa phòng mở rộng, một cô đỡ ghé đầu ra ngoài mỉm cười:

– Mời ông vào. Xong cả rồi.

Tân theo cô ta bước vào trong phòng. Chàng thấy mấy cô đỡ xúm xít chung

quanh cái nôi mây và thoáng nhìn thấy giữa đồng vải trắng một vật gì đỏ hỏn đang động đậy. Tân đến gần bên giường. Vợ chàng nằm ngả đầu trên gối trắng, nét mặt xanh xao và mệt nhọc. Nhưng hai con mắt sáng lên như vui mừng khi nhận thấy chàng.

Trong gian phòng yên lặng vẫn phảng phất cái không khí của một sự bí mật gì quan trọng. Các cô đỡ nói với nhau khe khẽ. Tân ngồi xuống cái ghế đầu giường, cầm lấy tay vợ. Chàng thấy bàn tay lạnh và ướt đầm mồ hôi.

Bà đỡ chính đã lót xong tã cho đứa bé, đưa đến trước mặt Tân, vui vẻ nói:

– Ông xem cô bé có khỏe mạnh không? Được hơn ba cân rưỡi đấy.

Trong khi vợ chàng giơ tay ra đón lấy đứa con một cách âu yếm và nâng niu, Tân tò mò ngắm nhìn cái đầu bé phủ tóc đen và mượt. Chàng thấy một cảm tưởng lạ, không rõ rệt, nẩy nở trong lòng. Nhưng cái dóm thịt động đậy, cái mầm sống nhỏ mọn và yếu ớt kia hình như không có một chút liên lạc gì với chàng cả. Tân không thấy cảm động như chàng tưởng, và cũng không thấy có một tình cảm gì đối với đứa con mới đẻ.

* * *

Một tuần lễ sau ở nhà, Tân thấy vợ và vú em bận rộn, rồi rít như mỗi khi sắp đến ngày giỗ. Hai người suốt cả buổi

chỉ ngồi cắt và khâu những cái áo con con, đan những đôi tất xinh xinh và sửa soạn cái nôi mây. Những công việc đó, Tân thấy hay hay, nhưng chàng không để tâm đến. Thỉnh thoảng chàng mới thoáng chú ý một chút đến đứa bé mà chàng thấy lúc nào cũng quấn kín trong miếng vải trắng và nhắm mắt ngủ kỹ.

Một buổi sáng khi sắp sửa đi làm, Tân thấy vợ gọi:

– Này cậu lại mà xem, hay quá.

Tân cúi xuống giường vợ chàng đương ngồi, và hai tay giữ chân đứa bé đặt nằm trước mặt. Hai bàn tay nhỏ nhắn của đứa bé đang cọ quây, giơ lên giơ xuống, hai con mắt bé lơ lơ, như hơi ngạc nhiên nhìn.

Vợ chàng sung sướng hỏi:

– Có phải nó nhớn hơn hôm nọ nhiều không?

Nàng giơ ngón tay cho đứa bé nắm rồi tiếp:

– Này cậu xem nó nắm chặt chưa này!

Tân cũng cầm lấy tay đứa bé đáp:

– Ủ, nhưng sao cái đầu nó dài thế nhỉ. Tôi trông nó thế nào ấy. Mà hình như một mắt to, một mắt nhỏ.

Vợ Tân ra ý không bằng lòng, cãi lại:

– Không, hai mắt nó bằng nhau đấy chứ. Cậu chỉ hay chê nó thôi.

Rồi nàng bế đứa con lên lòng, âu yếm cho bú.

Dần dần Tân cũng quen với đứa trẻ lặng lẽ sống bên mình.

Mỗi lần đi về Tân lại đến cạnh cái nôi, vén tấm màn trắng lên và nhìn một lát đứa bé nằm trong đó, vẫn hai tay cọ quây và con mắt lơ lơ nhìn mọi vật. Tuy vậy, Tân không nhận thấy rõ rệt có cái liên lạc gì với đứa trẻ. Vả lại chàng cũng không nghĩ sâu xa gì về sự đó, chỉ thoáng qua trong trí mà thôi.

Một lần, chàng đang ngồi làm việc ở bàn giấy thì nghe tiếng vợ tắm cho đứa bé ở trong buồng. Vợ chàng gọi:

– Cậu vào đây hộ tôi một tí.

Tân quay mặt vào phía buồng, đáp:

– Con sen đâu, sao không gọi nó?

– Nó còn bận giặt ngoài kia. Thì cậu vào hộ tôi một tí có làm sao. Giữ hộ tôi cái đầu để tôi tắm cho nó thôi mà.

Tân ngần ngại bỏ giờ công việc:

– Nào thì vào!

Rồi chàng vào trong buồng ngồi xuống bên cái chậu, hai tay giữ lấy đầu đứa bé. Vợ chàng nói lấy lòng:

– Cậu chỉ cầm một tí thôi. Tôi tắm cho nó xong ngay bây giờ đây.

Tân nhìn đứa bé, không thích một chút nào. Cái thân hình ngắn ngủn và chân tay ngẳng nghiu của nó làm chàng khó chịu không muốn để ý đến. Chàng càu nhàu mắng đứa bé:

– Nằm im! Mày cứ cọ quậy bắn cả nước lên tao đây này.

Cái đầu đứa bé bôi đầy xà phòng nên càng trơn khó giữ. Tân đã thấy mỗi tay. Chàng bảo vợ:

– Thôi, giữ lấy nó, tôi mỗi tay lắm rồi.

Vợ chàng hơi gắt:

– Hãy giữ một chút nữa. Mới có một tí thế đã kêu mỗi!

Cái giọng nói ấy làm cho Tân không bằng lòng. Chàng buông đứa trẻ đứng dậy, trả lời xẵng:

– Không phải công việc của tôi. Với lại tôi trông nó khó chịu lắm.

Tân không nhận thấy nét ngạc nhiên và buồn rầu của vợ, bước ra ngoài. Một chút hối hận, đến cửa, làm chàng quay mặt lại: Vợ chàng đang ôm đứa bé trong lòng, khóc nức nở.

Ra ngoài, Tân mới nhận thấy cái cử chỉ vô lý của mình. Một tấm tình thương

nảy nở trong lòng chàng. Tân muốn trở vào an ủi vợ, xin lỗi nàng vì đã làm nàng phải buồn rầu. Chàng dừng lại, định quay vào, nhưng không biết cái gì vẫn giữ chàng lại. Tân đến ngồi bên bàn, nghĩ ngợi.

Từ khi hai vợ chồng lấy nhau, những cuộc cãi cọ nhỏ mọn, không có nghĩa lý gì, vẫn thường xảy ra luôn. Vì một câu nói, vì một cố không đâu, hai vợ chồng lại giận nhau. Mà cũng như lần này, Tân cảm thấy chàng chỉ nói một lời nói dịu ngọt, êm ái là đủ cho hai bên lại hòa hợp như cũ. Nhưng những câu ấy tan đi trên miệng trước khi nói ra lời. Một ý xấu kh- iến chàng yên lặng, và xui chàng giận dữ thêm lên để lấy phần phải về mình.

Khi Tân trở lại phòng, chàng thấy vợ đang ngồi cho con bú. Đứa bé tắm rửa sạch sẽ trông hồng hào như đánh phấn.

Cái bàn tay mập mập xinh xắn nắm chặt lấy tay mẹ như để cầu sự âu yếm và che chở. Thỉnh thoảng nó ậm ừ trong miệng có vẻ rất bằng lòng.

Tân lại gần, cúi nhìn đứa bé. Chàng thấy trong lòng một mối cảm động êm đềm và phiền phức. Nhìn đứa trẻ ngây thơ nằm trong lòng mẹ, Tân cảm thấy lần đầu cái thiêng liêng sâu xa của sự sống, và nhận thấy chính nhiều cái bé nhỏ, hèn mọn hằng ngày nó phá hoại cuộc đời.

* * *

Từ đấy, đứa con như cái dây giữ sự hòa hợp trong hai vợ chồng. Tân và vợ chàng không cãi nhau nữa. Mà nếu có xảy ra cuộc hờn giận, hai người chỉ cùng

trông đứa trẻ mũm mĩm là lại hòa hợp như cũ.

Thỉnh thoảng, vợ chàng bỗng con đưa đến trước mặt Tân, chỉ cho chàng biết những cái thay đổi của đứa bé.

– Đây cậu trông, cái thóp bây giờ đã nhỏ đi rồi đấy.

Tân cũng chăm chú xem, rồi nói chuyện với con. Lúc chàng ngừng lên nhìn, chàng thấy vợ ngượng nghịu muốn giấu sự vui mừng làm ửng hồng đôi gò má. Tân cũng thấy trong tâm can một sự vui vẻ khác thường.

Buổi sáng nay, vừa bước chân vào trong nhà, Tân đã hỏi vợ:

– Em đâu?

– Nó ngủ. Cái gì thế?

– Tôi có cái này hay lắm.

Tân giờ lên cho vợ xem một đôi bát tất len trắng xinh đẹp. Chàng bước lại bên cạnh cái nôi rửa màu trắng sạch sẽ.

Vợ chàng vội nói:

– Ấy, khê chứ cậu, để nó ngủ. Tôi vừa mới đặt xong.

Tân rón rén, khe khẽ giở tấm màn tuyn nhìn thấy đứa trẻ nằm gọn gàng trong vải trắng. Chàng cúi mình xuống, yên lặng đợi trên cặp môi nhỏ bé một nụ cười.

Và Tân thấy trong lòng rung động khê như cánh bướm non, một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy.

NHÀ MẸ LÊ

ĐOÀN THÔN LÀ MỘT CÁI PHỐ CHỢ TỒI TÀN gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai dãy nhà lợp xúp, mái tranh xuống thấp gần đến thêm, che nửa những cái chái nửa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bưng bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở những đầu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đói kém, làm những nghề lặt vặt: Người thì kéo xe, người thì đánh dấm hay làm thuê, ở mướn cho những nhà giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đối, nhà mẹ Lê. Những gia đình này đều giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả.

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: Mười một đứa, mà đứa nhớn mới

có mười bảy tuổi, đứa bé nhất hãy còn phải bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà lá. Chũng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chũng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi

tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà.

Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng kia đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống ra dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ; vì không ai muốn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm lấy con trong ổ rơm để mong lấy cái hơi ấm của mình ấp ủ cho nó. Thằng con nhớn nhất thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một

lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra vợ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hột thóc, giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

* * *

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những

câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc cho chúng và gọt tóc chúng bằng mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lò, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng bức, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu – bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại – nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại càng giống mẹ con một đàn gà, mà những con gà con người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẫn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đối, kéo xe, người vui tính nhất ở xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

– Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

– Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hy hơn cả, nó là con thứ chín, ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng mùa hạ, cả phố bắc chõng ngồi ngoài đường vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò và hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đen lay láy và lấp loáng ánh sáng. Đất hãy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một cái mùi riêng lẫn mùi rác bẩn và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện, trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ. Hình

như quên cái cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài của người lớn xen lẫn với tiếng khúc khích của các cô gái chúm chụm sát nhau trong bóng tối. Người ta thấy tiếng bác Hiền nói vang, tiếng bác Đối thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra tiếng văng vẳng và tiếng hát lạnh lạnh của bác Đối gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu khách mua một cân táo tàu rồi nằm văng vẳng vừa nhai vừa hát trống quân:

“Ngày xưa, có anh Trương Chi”

* * *

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không

đông đúc như trước. Những tiếng nói chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng xáo gánh gạo kìn kịt trên đê để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lấn trong phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về; còn thường thấy bác Đối kéo cái xe không lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm văng vẳng hát trống quân nữa. Bác Lê trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn; bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhịn đói dần dần liên tiếp nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm; buổi chiều, bác mệt nhọc chán nản trở về, hỏi thằng cả xem có đánh được ít cá nào không, thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các

hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lơ nữa.

Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khổ như nhau.

* * *

Một buổi chiều, mà đàn con nhin đói đã suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa con cả đến rồi bảo:

– Ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không.

– Ban sáng u đã vào mà người ta có cho đâu; cậu Phúc lại còn bảo hể u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

– Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi, tao cứ liều vào lần nữa xem sao.

Nói xong, bác Lê mở cửa liếp ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng, tuy buổi sáng, lúc vào xin gạo, ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cái cảnh sang trọng ấm cúng trong nhà ông Bá: những chậu sứ, câu đối thiếp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giàu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao?

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau, đợi trong ổ rơm. Bác đi đâu không thấy về. Thằng Hy lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng, rồi bảo chị nó:

– Hình như u về đấy, chị ạ.

Thằng cả đi lại bên cửa liếp nhìn ra ngoài. Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đối và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng cả hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. Bác Đối đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi, sau khi dặn:

– Bây giờ bác lấy lá lốt mà rịt cho nó cầm máu. Chó Tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thằng Hi vừa mếu máo vừa hỏi:

– U làm sao thế u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

– Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi; tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đối, chứ không biết bao giờ mới về được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

– Thế là mẹ con biết lấy gì mà ăn cho đỡ đói bây giờ?

Thằng Hy òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác Lê giơ tay ra ôm chúng nó vào lòng, rồi nghĩ thương thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên cơn sốt. Những

cái rừng mình lạnh lẽo nối nhau lướt trên da bác, manh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cả cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ, chỉ toàn những ngày khổ sở, nhọc nhằn. Cái nghèo nàn không biết tự bao giờ đã vào nhà bác, lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi; và từ đấy, nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá cứ có người muốn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hy và con Tý vui đùa giằng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỗi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thơm, những lúc vò lúa dưới chân... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy cạnh bông lúa sắc xát vào da thịt.

Đấy còn là những ngày no đủ. Rồi đến những buổi chợ vắng, những ngày nhịn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác và tinh nghịch của cậu Phúc, con chó Tây nhe nanh chồm lên...

– Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Tiếng kêu thất thanh của bác làm giật mình lũ trẻ, chúng nó ngồi dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ.

Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sảng rồi chết.

Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một số ván mọt, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vào bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.

Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy mấy đứa con nhỏ bác Lê ngồi ở

vía hè, con Tý đang dỗ cho thằng Hy nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi một lát sẽ về. Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa. Và họ thấy một cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không biết bao giờ hết.

NHỮNG NGÀY MỚI

NHỮNG BÔNG LÚA VÀNG MỚI CẮT XONG đều xếp rải rác từng hàng trên bờ ruộng, trong đám cỏ xanh mọc đầy. Mỗi khi gặt được vài lượm lúa người thợ hái ôm sát bó lúa thơm vào người, đem ra xếp vào chỗ lúa trước. Rồi họ lại trở vào ruộng, đứng theo hàng những người bạn gặt. Tiếng hái đưa vào gốc lúa xoàn xoạc như tiếng trâu bò ăn cỏ.

Chăm chú vào công việc làm, Tần

không để ý gì đến cảnh vật chung quanh. Chàng cũng không thấy mệt nữa, tuy ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát, và mồ hôi từng giọt rỏ ở trên trán xuống. Tần chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn, mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất lẫn với mùi rạ ướt mới cắt. Mùi thơm đó làm cho chàng say sưa như men rượu. Tần lại cố hết sức gặt, chỉ lo không theo kịp hàng những người thợ khác.

Buổi sáng khi Tần ngỏ ý cầm hái xuống gặt, bọn thợ hái chàng mượn đã mấy hôm nay đều trông chàng mà cười. Một cô gái trong bọn, cặp mắt đen nhí nhánh dưới vành khăn vuông che kín đầu, nói đùa:

– Ông để mặc chúng tôi, bộ ông thế kia thì gặt được độ ba nện lúa. Mọi người vui vẻ cười làm Tần cũng cười theo.

Người già nhất trong bọn, một ông cụ râu tóc đã bạc, nhưng da xém đen và khỏe mạnh, lẳng lặng đem một cây hái ra mài trên bờ ruộng. Khi mọi người sửa soạn xong, ông cụ đưa cho Tân cây hái, lưỡi sáng loáng nói:

– Lưỡi sắc thế này thì cắt cứ ngọt như cắt cỏ.

Cắt được mấy lượm lúa, Tân thấy cánh tay mỏi rã rời. Chàng tưởng không thể nào gặt được nữa. Tuy vậy, cố hết sức chàng cũng chưa theo kịp bọn thợ gặt. Nhưng được vài bước, Tân lại phải dừng lại để thở. Chàng nhận thấy cô gái ban nãy, tuy tay đưa hái thoăn thoắt nhưng vẫn để ý nhìn chàng. Còn ông cụ già cứ điem đăm gặt, bên cạnh ông ta, những bông lúa đã xếp thành đống. Tân lại cúi xuống làm việc. Dần dần mềm dẻo, Tân thấy dễ chịu. Chàng luôn đưa lưỡi hái,

vui vẻ khi thấy những bông lúa chắc, vàng ngả sát vào người. Tân thấy tâm hồn khoan khoái như không bận một ý nghĩ gì.

Từ bờ ruộng đằng xa đi lại, một người đàn bà gánh hai gánh đầy. Ông cụ già thẳng người đứng lên nói với các bạn gặt:

– Thôi, hãy nghỉ tay ăn quả đã.

Tân cũng ngừng tay lại. Chàng đương thích làm việc, nói:

– Đã nghỉ rồi cơ à? Sao chóng thế.

Chàng quên rằng bọn thợ đã gặt luôn bốn giờ đồng hồ chưa nghỉ, họ làm việc từ buổi sáng sớm, trong lúc chàng còn ngủ.

Bọn thợ gặt tìm chỗ có bóng mát ở

chân đôi ngồi nghỉ. Chung quanh đấy, ở các ruộng khác, những thợ hái cũng đều nghỉ cả, mỗi người chọn một chỗ dưới gốc cây, tay cầm bát cơm nếp ăn rất ngon lành. Đây là bữa quà buổi trưa, vì sáng sớm trước khi ra đồng, người nào cũng ăn cơm cả rồi.

Mấy người thợ Tân mượn nhìn chàng ra dáng cảm ơn lắm vì Tân rộng rãi, bữa cơm sáng đã cho họ ăn một ít cá vụn mà em chàng mua của bọn đánh dậm. Đến lúc đổi đồng, chàng lại cho phép họ được đem lúa đổi lấy một ít chả để ăn với xôi và bao diêm, gói thuốc cho mọi người. Bởi vậy, họ rất sung sướng vì ngày công tám xu của họ còn nguyên không phải tiêu dùng đến.

Thấy Tân dễ dãi vui tính, họ cũng vui vẻ trò chuyện trước mặt chàng, không còn ngượng ngịu hay giữ gìn gì nữa.

Ông cụ già gọi chàng đến bên cạnh mời hút thuốc Lào và uống nước. Cụ rót trong cái vò sành ra một bát nước đỏ thắm ra đưa cho Tân:

– Cậu thử uống bát nọ với này mà xem. Không có thứ nước nào ngon hơn nữa.

Thật đúng như vậy, Tân chưa uống bát nước nào ngon hơn bát nước với của ông cụ. Chàng nghĩ đến khi còn ở Hà Nội, uống rượu bia và nước chanh ngâm đá, nhưng chưa thấy bao giờ khoan khoái như bây giờ.

* * *

Ăn xong, trên ven đồi, bọn thợ gặt nằm dài trên cỏ ngủ. Các thợ đàn bà họp nhau lại một chỗ ăn trầu và nói chuyện

mùa màng còn ông cụ thì loay hoay buộc lại mấy cái hái để dùng đến buổi gặt chiều.

Cánh đồng lúa chín lóe vàng dưới mặt trời buổi trưa. Từng chỗ, ở thửa ruộng nào đã gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như dát bạc. Phía xa, làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.

Tân nằm trên thảm cỏ, nhìn lên. Qua khe lá lung lay, chàng thấy trời xanh trong và mát. Mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên xung quanh, Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ, một mối tình nảy nở giữa tâm hồn Tân với những người thợ gặt giản dị và mộc mạc chung quanh chàng.

Họ làm việc xong cũng vui vẻ, sung sướng tuy những lúa gặt không phải là

của họ. Tân cũng vậy, chàng biết rằng những bó lúa kia đem bán đi thì có lẽ không đủ tiền trả công người làm. Song những bông lúa ấy đối với Tân quý lắm và như có một ý nghĩa thiêng liêng, đấy là kết quả của cả một năm làm lụng khó nhọc và vất vả.

Tân nhìn xuống đôi, ngắm nghía những dải mây trắng lững lững ở phía xa. Từ khi trở về quê, chàng quen nhìn xét những đám mây mà trước kia ở tỉnh chàng không bao giờ để ý đến. Tân nhớ lại tất cả quãng đời niên thiếu của mình đã qua ở tỉnh thành. Ngay từ khi còn nhỏ tuổi, cha mẹ chàng đã gửi chàng ở nhà ông chú làm việc trên Hà Nội. Nhà chàng cũng không lấy gì làm giàu có, nhưng cũng vào bậc nhất nhì trong làng. Quanh năm cày cấy mười mẫu ruộng ở ven đôi và chăm bón mấy nương chè,

sẵn, cũng thừa đủ chi dụng trong nhà.

Cũng như tất cả những nhà giàu khác ở trong làng, cái hy vọng của cha mẹ Tân là cho chàng đi học để trở nên thầy thông hay thầy ký... Mà lúc bấy giờ, chí nguyện của Tân cũng chỉ có thế, chàng hết sức chăm học nên năm mười tám tuổi đã đạt được cái hy vọng của gia đình.

Tân mỉm cười khi nghĩ đến cái tâm trạng của mình lúc mới đi làm; nghĩ đến cái anh chàng lúc nào cũng ăn bận chải chuốt như một cô gái, lúc nào cũng nghĩ đến cái quan trọng của mình. Hình như mỗi cử chỉ của thầy ký trẻ tuổi đều có ảnh hưởng đến mọi người.

Khi có nạn kinh tế, chàng mất việc. Cái chán nản của Tân và của cha mẹ chàng lúc bấy giờ thực đến cực điểm. Cha chàng buồn rầu từ trần. Còn chàng

cứ lang thang ở Hà Nội mấy tháng trời, sống cái đời vất vưởng của anh thất nghiệp. Chàng đã biết cái thất vọng của những lúc đợi chờ, cái khổ sở của những đêm không có chỗ trọ, vì trong lúc ấy ở nhà quê có mình bà mẹ trông nom ruộng nương không xuể, và giá thóc kém, nên không có tiền gửi cho chàng.

Nhưng một hôm rét mướt, một ý nghĩ bỗng nảy ra trong trí, nếu ở đây không đủ sống, tại sao không trở về quê sống cái đời giản dị của người làm ruộng?

Thế là hôm sau, Tân xách khăn gói về. Rồi từ đấy chàng hoàn toàn là một người nhà quê dễ dãi. Mới đầu Tân cũng thấy nhiều sự thiếu thốn khổ sở. Nhưng dần dần chàng nghiệm ra rằng những cái thiếu thốn đó, không phải là những cái cần dùng cho cuộc đời, mà là những cái thừa. Sự cần dùng là ăn với mặc,

chàng đã có đủ. Dần dần chàng mới thấy cái đời chàng sống trước ở tỉnh thành là một cuộc đời phức tạp và vô vị, không có nghĩa lý gì. Chỉ việc có ăn ở theo mọi người, nghĩ ngợi theo mọi người, và đi tìm cái vui chốc lát trong những cuộc hành lạc để mua lấy cái chán nản về sau.

Tân tiếc hồi thừa nhỏ không sống ở thôn quê để được gần gũi với cảnh vật. Chàng thích sống bên cạnh những người nhà quê chất phác và mộc mạc. Bấy giờ chàng mới biết đến trời đất, đến thời tiết, đến sự thay đổi của mùa nọ sang mùa kia. Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non, đối với chàng đều có ý nghĩa riêng.

Tân không đứng đưng như trước với những cái chung quanh mình. Tâm hồn chàng có liên lạc và rung động cùng với cảnh vật. Chàng có cái cảm giác rằng mình sống...

Buổi chiều, thửa ruộng của Tân đã gặt xong. Cả một cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ. Bọn thợ gặt đều thu xếp liềm hái để trở về. Trên con đường vào làng, các lực điền gánh những gánh lúa vàng nặng trĩu.

Mặt trời đã xế phía bên kia đồi. Ở dưới thung lũng, sương mù lạnh trắng xóa lan ra lẫn với làn khói tỏa ở xung quanh các làng. Cỏ bên đường đi đã ướn. Tân với bọn thợ bước đều trở về nhà, ai nấy yên lặng không nói gì, như cùng kính trọng một ngày tàn. Trong cái thời khắc này, Tân như thấy cảnh vật đều có một tâm hồn, mà lớp sương mù kia là tâm hồn của đất màu, đã nuôi hạt thóc cần cho sự sống của loài người.

Khi vào đến con đường khuất khúc trong làng, trời nhá nhem tối. Qua hàng rào cây, Tân thấy lấp lánh đèn ở sân các nhà, tiếng néo đập lúa trên cối đá, tiếng hạt thóc bắn vào nia cốt như mưa rào. Đâu đâu cũng thấy tiếng cười nói vui vẻ, cảnh đêm trong làng thôn quê vẫn yên lặng âm thầm thì chiều nay hoạt động vô cùng. Mùi lúa thơm vương lại trong các bụi hòa lẫn với mùi đầm ấm của phân cỏ, bốc lên khắp cả.

Về đến sân nhà, mọi người ăn xong lại bắt đầu làm việc. Đàn bà vừa đập lúa vừa hát, còn bọn thợ hái ngồi quây quần bên chiếc đèn con nói chuyện. Ai cũng cười đùa tự nhiên. Họ đã tận tâm làm việc suốt ngày. Những lượm lúa vàng sẫm đem đến cho họ cái vui của ngày được mùa, cái hình ảnh của sự no ấm trong đời.

Tân thấy mình cũng sung sướng như họ, chàng thấy tấm lòng mình rộng rãi ra, tâm hồn thân thiết, và yêu mến với cả mọi người.

Sau khi hẹn thưởng cho bọn thợ nãi cơm nếp mới, Tân bước ra ngõ, nhìn xuống cánh đồng. Trên trời, ngàn sao lấp lánh. Gió đưa dưới ruộng đưa lên mùi rạ ướn. Tân chợt thấy ở phía chân trời xa, cái ánh sáng mờ của tỉnh thành Hà Nội...

Chàng sung sướng nghĩ đến những ngày đầy đủ của mình ở chốn thôn quê này. Một cuộc đời mới như đương chờ đợi chàng...

DUYÊN SỐ

ĂN CƠM XONG, CHÚNG TÔI
BẮC GHẾ ngồi trong vườn.
Anh Vân, chủ nhà, đang loay hoay pha
mấy chén cà phê, mùi thơm phảng phất
bốc trong không khí yên lặng.

Đã hai năm nay anh Bình và tôi mới
lại gặp Vân.

Ba chúng tôi là bạn bè rất thân mật.
Nhân nói tới việc anh Vân mới cưới vợ,

câu chuyện cứ quanh quẩn về việc vợ con và lập gia đình.

Bình nói:

– Tôi chỉ ước sao được một người vợ tuyệt đẹp thế là đủ.

Tôi tiếp:

– Tôi cũng ước như vậy.

Vân đáp:

– Người đẹp thì vẫn hay lắm. Nhưng tôi thì tôi cho việc vợ chồng chẳng qua là duyên số.

Chúng tôi phì cười:

– Anh này bây giờ thành ông thầy tướng chắc! Duyên số là cái quái gì mới được chứ?

– Là một sự bí mật không ai hiểu, mà chính tôi cũng không hiểu. Các anh hãy lặng yên để tôi kể câu chuyện của tôi cho mà nghe.

Nói xong, Vân điềm nhiên, thông thả châm điếu thuốc hút, rồi thông thả kể như một ông cụ:

– Chắc các anh cũng rõ, trước kia, tôi cũng lãng mạn như những người trẻ tuổi khác. Nghĩa là bình sinh chỉ ao ước được một người “tuyệt thế giai nhân” như Tây Thi chẳng hạn (tuy rằng mình chẳng biết mặt Tây Thi ra thế nào) để sánh vai, kể gối thì mới mãn nguyện. Mà việc ấy riêng đối với tôi thì lại có thể dễ dàng lắm, vì nhà tôi giàu, mẹ tôi lại chiêu chuộng. Chỉ còn việc đi tìm người đẹp nữa là xong. Tôi bèn đi khắp thành phố Hà Nội, trong lòng tâm niệm sẽ tìm được con người trong lý tưởng.

Một hôm trong hội chợ tôi vào xem một gian hàng thuê. Lúc quay ra gặp ngay một bà cụ già tóc bạc phơ, với lại, đứng đằng sau... một cô con gái.

Thoạt mới nhìn đôi mắt cô ta, tôi choáng váng như người nhấp cốc rượu mạnh. Thế rồi tôi yêu cô ta ngay, yêu tha thiết, yêu say đắm, không biết thế nào mà tả được. Tôi không biết rõ mặt mũi cô ta ra sao nữa, vì mỗi lần nhìn thì lại bị đôi mắt đen huyền ảo của cô ta làm choáng váng. Nhưng điều tôi chắc chắn, là cô ta rất đẹp. Ở hội chợ ra, tôi cứ theo riết cô ta và bà cụ về đến tận nhà, và sau khi đi đi lại lại trước nhà cô ta cho mãi đến chín giờ tối, tôi mới chịu bỏ ra về.

Từ đấy, không ngày nào là tôi không đến đứng ở đầu phố hay qua nhà cô ta để mong được gặp mặt. Có khi đứng yên lặng hàng nửa giờ dưới mưa gió, tôi vẫn

kiên gan không hề phàn nàn, chỉ mong nhìn mặt cô ta một lần cho đỡ nhớ. Bây giờ nghĩ lại độ ấy thật gian nan khó nhọc hơn một người đi lính.

Tuy vậy mà ba tháng đã trôi qua, tôi vẫn chưa tìm được cách nào để tỏ cho cô ta biết rằng tôi yêu cô ta, mà tôi cũng chưa rõ cô ta có để ý đến tôi không.

Trong lúc tôi đang mê mải về cô thiếu nữ ấy, một hôm mẹ tôi gọi đến bảo:

– Anh đã muốn lấy vợ chưa?

– Con ấy à? Rất sẵn lòng.

– Thế thì hay lắm. Tôi đã tìm được cho anh một chỗ rất môn đăng hộ đối, mà nhà lại giàu. Bà cụ là bạn cũ của tôi, còn cô ta...

Tôi không để cho mẹ tôi nói hết:

– Mẹ cứ để con chọn lấy, không cần gì giàu nghèo hay sang trọng, miễn là người ý hợp tâm đầu với con là được rồi.

– Nhưng anh có biết mặt cô này đâu. Cô ta ngoan ngoãn, có vốn liếng, mà cũng xinh đẹp.

Tôi nghĩ đến cái nhan sắc lộng lẫy của người vãn mớ tưởng, nên không thiết gì bàn luận nữa. Mẹ tôi cũng chiều tôi không ép, nhưng còn tiếc:

– Không dám nào hơn đám này đâu, anh ạ. Nếu anh bằng lòng thì được ngay.

Tôi đâm gắt:

– Thì con đã xin mẹ cứ để mặc con mà lại! Con sẽ chọn lựa lấy được người hợp ý.

Trong bụng tôi định, hễ làm quen

được với thiếu nữ kia, là sẽ nhờ mẹ tôi đem trâu cau sang hỏi. Cái địa vị và sự giàu có của tôi chắc sẽ cho tôi được mãn nguyện.

Mẹ tôi không nói gì nữa. Nhưng một tuần sau, bà cụ lại giở đến câu chuyện cũ:

– Thế nào anh nghĩ kỹ chưa? Cứ nghe tôi bằng lòng đám này đi, không còn thì muộn mất. Vì người ta cũng đang có nhiều người hỏi lắm.

– Hỏi thì hỏi, càng hay. Mẹ cứ để mặc con.

Mẹ tôi phát dỗi:

– Ủ đấy thì để mặc anh. Tôi không nhọc xác!

Từ đấy, mẹ tôi không đả động đến câu chuyện ấy nữa. Tôi mừng rỡ đem hết

trí nghĩ để tìm cách thu phục con người đẹp đẽ kia, nhưng vẫn chưa có dịp tốt nào. Chỉ biết thêm được tên cô ta là Bảo.

Một buổi chiều về nhà, mẹ tôi chỉ mấy cái bánh chưng, bánh dầy bọc lạt đỏ, mà nói:

– Đây là cái đám hôm nọ tôi nói chuyện người ta biếu. Đấy, bảo anh, anh cứ lần khăn không lấy, bây giờ người ta đi lấy chồng rồi. Thật đáng tiếc.

– Mẹ cứ nói vậy chứ tiếc quái gì. Thiếu gì nơi còn hơn thế nữa.

– Đành vậy. Nhưng cô Bảo này thật là được cả người lẫn nết.

Tôi sửng sốt hỏi:

– Mẹ nói cái gì? Cô Bảo à? Có phải cô Bảo nhà ở ngõ Gia Hưng không?

– Có còn cô Bảo nào nữa. Anh cũng không biết ư?

Tôi choáng váng không nghe thấy gì nữa, trống ngực đổ dồn như người bị cảm. Để mẹ tôi ngạc nhiên đứng đấy, tôi vùng chạy một mạch đến ngõ Gia Hưng, quả nhiên thấy trước nhà người vẫn mơ ước, xác pháo giải đỏ cả thêm. Qua bức màn, tôi thấy trong nhà đèn nến thấp sáng và có tiếng người ăn uống.

Thì ra cô Bảo của tôi đã đi lấy chồng thật!

Từ đó, tôi thất vọng, buồn rầu, không thiết gì nữa. Mẹ tôi lo sợ, vội hỏi cưới ngay cho tôi một người ở thôn quê. Lần này, khi mẹ tôi ngỏ ý, tôi nhận lời ngay, cũng không buồn đi xem mặt người con gái nữa. Thế rồi mấy tháng sau thì cưới.

Anh Vân ngừng lại. Ở trong nhà một người đàn bà mặc áo dài trắng bước ra, tay cầm cái ấm chè. Khi đến gần, sẽ cúi đầu chào chúng tôi rồi pha nước vào chén. Tôi nhìn thật kỹ, thấy người đã đứng tuổi, vẻ mặt xấu xí như những đàn bà nhà quê thường thấy. Anh Vân khẽ giới thiệu:

– Đây, nhà tôi đây.

Khi người đàn bà đã bước vào nhà, anh ta thở dài nói:

– Thế mới biết vợ chồng là việc duyên số không biết thế nào mà định trước được. Tuy vậy mà tôi với nhà tôi hợp ý nhau lắm, trong gia đình rất thuận hòa. Biết đâu, nếu tôi lấy cô Bảo kia, rồi sau lại không được như thế?

Phải, biết đâu? Chúng tôi còn đồng thanh tỏ cho anh Vân biết rằng cũng đồng ý với anh về chỗ ấy, và hết sức an ủi cho anh hiểu rằng chỉ có sự hòa thuận trong gia đình là đáng quý giá hơn hết.

MỘT CƠN GIẬN

MỘT BUỔI TỐI MÙA ĐÔNG, CHÚNG TÔI ngồi trước lò sưởi, trong một căn buồng ấm áp. Tự nhiên trong câu chuyện, một người nói đến những cơn giận tự nhiên đến tràn ngập cả tâm hồn ta và có khi gây nên nhiều cái kết quả không hay. Rồi mỗi người đều bày tỏ ý kiến riêng của mình.

Anh Thanh từ nãy đến giờ vẫn lặng yên có vẻ trầm ngâm, cất tiếng nói:

– Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ. Tôi biết hơn ai biết, vì chính tôi đã trải qua sự đó. Tôi sẽ kể các anh nghe một câu chuyện mà cái kỷ niệm còn in sâu trong trí nhớ tôi.

Cũng một buổi chiều mùa đông như hôm nay, tôi ở tòa báo ra về, trong lòng chán nản và buồn bực. Có những ngày mà tự nhiên, không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cái cảm giác đó rõ rệt hơn.

Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay đàng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tồi tàn. Theo lệ như mọi khi tôi mặc cả:

– Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bà Yên Phụ.

– Thầy cho sáu xu.

– Không, bốn xu là đúng giá rồi.

Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lẩm bẩm: “Bốn đồng xu từ đây về nhà bà”. Cái tiếng nhà bà anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

– Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe dừng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta mới gọi:

– Lại đây mà đi.

Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ dừng nguyên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

– Anh thật là lảm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ.

Anh xe cãi lại:

– Từ đây về đây thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá!

– Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhắc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm

cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe.

* * *

Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu “Con lợn” – cái tên hiệu cũng xứng đáng, – một hạng xe tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tồi tàn của cái xe làm cho tôi càng ghét anh xe nữa!

– Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá.

– Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Anh xe buýt bình cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đổi lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dậm mạnh chân xuống sàn xe gắt:

– Thôi, cầm họng đi, đừng lái nhải nữa.

Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hắn đã dám cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp Tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

– Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi, hốt hải van xin:

– Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết nhăn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác; chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

Người cảnh sát Tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sôi:

– Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!

Người phu xe ấp úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp:

– Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh long lanh nhìn tôi, như cầu khẩn van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi làm anh bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

– Tôi đi từ phố Hàng Bún.

– Vậy phiền ông xuống.

Rồi ông ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:

– Allez! Đi về bót!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thông thả trên bờ hè. Cơn giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi; tôi thấy một cái chán nản bức tức rung động trong người.

Tôi rùng mình nghĩ đến số phận của anh xe khốn nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta sẽ phải vay trả cái xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cai xe hành hạ, đánh đập vì thù hằn?

Tôi càng nghĩ đến bao nhiêu lại càng khinh bỉ tôi bấy nhiêu.

Qua ô Yên Phụ, nhìn thấy những thợ thuyền tấp nập làm việc dưới ánh đèn trong những căn nhà lá lụp xụp, tôi

rảo bước đi mau, hình như trông thấy tôi họ sẽ biết cái hành vi khốn nạn, và nhỏ nhen đáng bĩ của tôi ban nãy.

* * *

Những ngày hôm sau thực là những ngày khổ sở cho tôi. Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh anh phu xe cũng hiển hiện ra trước mắt.

Tôi nhất định đem tiền đến cho người xe kia để chuộc tội lỗi của mình. Đến phố Hàng Bột hỏi dò những người chung quanh xưởng xe, tôi biết được anh xe bị phạt đêm ấy là Dư, và ở trong một dãy nhà qua ngã tư Khâm Thiên.

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn khổ sở như thế. Các anh thủ tướng tượng một dãy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn cả vào đến thêm nhà. Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khốn nạn những người gầy gò, rách rưới như những người trong một cơn mê.

Người phu xe Dư ở trong ấy. Một bà cụ già gầy gò xương ngời cằn cỗi ở vệ hè chỉ cho tôi một cái cửa thấp bé ở đầu nhà.

Tôi cúi mình bước vào, chỉ thấy tối như bưng lầy mắt và thấy hơi ẩm lạnh thấm vào tận trong mình. Có tiếng người đàn bà sẽ hỏi:

– Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ngồi ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngược mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảnh giẻ rách nát vắt trên xà.

– Bác Dư có nhà không?

– Bẩm, chú nó đi về quê vắng từ hôm nọ.

Một vẻ sợ hãi thoáng qua trên mặt đủ tỏ cho tôi biết họ không nói thật, tôi giảng giải:

– Không, cụ cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đến để giúp bác ta chứ không có ý gì khác.

Bà cụ nhìn tôi nghĩ ngợi một lát rồi nói:

– Thế thầy đã biết việc chú nó bị bắt xe hôm nọ?

Tôi gật đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói.

– Hôm ấy cai nó bắt phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chú nó đã xin khất với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khốn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó lột quần áo đánh một trận thừa sống thiếu chết thầy ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cất tiếng ồm ồm nói theo:

– Nó còn bảo hể không trả nó sẽ bắt lấy thẻ.

– Thế giờ bác ta đâu?

Bà cụ trả lời:

– Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó. – Thật cũng là cái vạ; nghe đâu chú nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chớ không cũng chẳng việc gì.

Tôi yên lặng, trong lòng nao nức.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

– Tội nghiệp cho vợ con chú đây, ốm đã mấy ngày hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không.

Tôi đứng lại gần xem. Trên cánh tay người mẹ, chỉ còn là một dùm thịt con đã nhăn nheo; đứa bé há hốc cái miệng thở ra mặt xám nhợt. Người mẹ thỉnh thoảng lấy cái lông gà nhúng vào chén mật ong để bên cạnh, phết lên lưỡi đứa bé.

Cháu nó sai đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc nên bệnh lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng rồi nức nở khóc. Bà cụ già lê nhích lại gần, cúi xuống khe khẽ kéo lại những cái tả rách như xơ mướp.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rơm rớm nước mắt. Một cảm giác ghen ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội

vàng bước ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngơ vực.

Qua ngưỡng cửa, tôi và phải một người đàn ông ốm yếu tay cắp một cái áo quan con bằng gỗ mới. Đến bên đường, tôi nghe thấy trong căn nhà lụp xụp đưa ra tiếng khóc của hai người đàn bà.

Đứa bé con đã chết.

* * *

Anh Thanh lặng yên một lát nghĩ ngợi, rồi nói tiếp:

– Cái kỷ niệm buồn rầu ấy cứ theo đuổi tôi mãi mãi đến bây giờ, rõ rệt như các việc mới xảy ra hôm qua. Sự đó nhắc cho tôi nhớ rằng người ta có thể tàn ác

một cách rất dễ dàng. Và mỗi lần tôi nghĩ đến anh phu xe ngoại ô kia, tôi lại thấy đau đớn trong lòng như có một vết thương chưa khỏi.

TIẾNG CHIM KÊU

MỘT ĐÊM MƯA PHÙN ẨM
ƯỚT VÀ TỐI TẮM về cuối
tháng chạp, hai anh em chúng tôi đi nghỉ
sớm. Nằm trên giường, trùm chăn lên
tận cằm, chúng tôi cùng nhau nói chuyện
phiếm để đợi giấc ngủ.

Trong căn phòng yên lặng, chỉ nghe
rõ tiếng tí tách thông thả và đều đều của
chiếc đồng hồ treo trên tường. Nhưng
thỉnh thoảng một cơn gió đưa đến vắng
vắng những tiếng ếch nhái kêu ở cánh

đồng quê ở chung quanh nhà.

Ngọn đèn hoa kỳ vắn nhỏ để dưới đất, chiếu lên trần và tường nhà những bóng tối kỳ dị, hơi lung lay. Còn chiếc màn đỏ rộng treo ở giữa nhà thì tối sẫm lại, rũ những nếp vải mỏng manh và tha thướt. Bên kia chiếc màn ấy, là giường của bà tôi và chị tôi nằm. Vào hồi nửa đêm, chúng tôi sức thức dậy: gió thổi ào ào trong các lá cây và đập mạnh các tàu lá chuối, từng luồng chớp loáng qua cửa sổ. Một lát thì mưa rào đổ xuống mái nhà.

Anh tôi bảo:

- Có lẽ là một trận bão to.
- Bão thì càng thích.

Mà thích thật. Tưởng tượng không có cái khoan khoái êm ấm nào bằng cái

thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài. Đêm lúc bấy giờ lạnh hơn, lại càng làm cho mình thấy cái ấm trong chăn là dễ chịu. Tiếng mưa reo to và gió thổi như một thứ âm nhạc vui vui, ru ngủ người ta dần dần.

Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến, rồi thường hỏi những người lũ khách vào giờ này hãy còn trên đường vắng, ướt như chuột lột và run như cây sậy, đi vội vàng để tìm một chỗ trú thân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung lay và để đem cái chậu thau hứng những chỗ dột nước.

Khi người ta yên ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn, không sợ

mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn.

Chúng tôi đương ở vào cái tâm tình tốt đẹp ấy, thì bỗng nhiên anh tôi sẽ thích tay vào bảo im rồi nói khẽ:

– Có nghe thấy gì không?

Tôi lắng tai: qua tiếng gió, tiếng mưa ở ngoài, tôi nghe thấy có tiếng chiêm chiêm như tiếng con chim kêu. Tôi bảo anh tôi:

– Tiếng chiêm chiêm như tiếng chim kêu phải không?

– Phải rồi. Tôi nghe thấy từ lúc nãy.

Hai chúng tôi lại chăm chú nghe: tiếng chiêm chiêm khe khẽ và yếu ớt hình như ở chiếc cửa sổ phía đầu cái màn đỏ đưa lại. Tôi hỏi anh tôi:

– Quái, không biết con chim nó đến đây kêu làm gì nhỉ?

Anh tôi chợt nghĩ ra:

– Thôi phải rồi, chắc hẳn là một con chim bị mưa gió đánh bật đến đây.

– Tội nghiệp, chắc ở ngoài ấy nó rét lắm.

Chúng tôi tưởng tượng ngay ra một con chim ướt át, xù lông ra vì rét, đến chỗ cửa sổ dò vào vì nó thấy ánh sáng trong phòng ấm áp chiếu ra. Câu chuyện con chim gáy một hôm tránh bão tuyết, đến gõ cửa vợ chồng người cày ruộng, được hai vợ chồng nâng niu và rắc bánh cho ăn, câu chuyện ấy mà hồi nhỏ chúng tôi đã đọc trong quyển “Bài Tập Đọc” bây giờ lại thoáng qua trong trí nhớ, làm chúng tôi đem lòng thương con chim kia vô hạn, và muốn cứu vớt nó.

Tôi bảo anh tôi:

– Hay là chúng ta mang nó vào trong này cho nó ấm.

– Mang thế nào được.

– Sao lại không được! Ta cứ việc mở cửa sổ dụ nó vào có khó gì. Chứ nếu để nó ở ngoài ấy thì nó chết mất.

– Ừ, phải đấy.

Tuy nói thế, nhưng chúng tôi vẫn chưa dậy, người nọ có ý đợi người kia, vì trời lạnh mà ra ngoài chần kể cũng hơi ngại. Còn lưỡng lự, thì bỗng ở bên kia tấm màn treo, chỗ phía chị tôi nằm có tiếng người ú ớ. Tôi bảo anh tôi:

– Chị Hai đã lại mê hử.

Nói dứt câu lại thấy tiếng ú ớ càng to lên và càng rõ rệt. Chị tôi như định nói

cái gì mà không nói được. Anh tôi phản nản:

– Chị ấy độ này cứ hay mê nói làm nhảm luôn, chắc chị ấy yếu.

Tôi cũng nghĩ thế. Hai chúng tôi yên lặng một lát để xem chị Hai có nói mê nữa không. Nhưng chắc chị tôi lại ngủ rồi. Chúng tôi lại nghe thấy tiếng vẫn cái tiếng chiêm chiêm ban nãy bây giờ hình như yếu ớt hơn. Anh tôi bảo:

– Thôi, chú dậy đem con chim vào đi.

Tôi ngần ngại:

– Dậy bây giờ rét lắm, anh ạ.

– Rét gì mà rét. Chú cứ mạnh bạo ra thì không rét đâu.

Hình như để trái với lời anh tôi nói,

một cơn gió mạnh lọt vào phòng làm lay động chiếc màn. Tôi rùng mình nói:

– Rét lắm, ra bây giờ thì chết cóng.

Rồi tôi kéo chăn trùm kín cổ. Anh tôi cũng kéo chăn lên, rồi bảo tôi:

– Chú lười lắm. Có ra kia mở cánh cửa sổ mà cũng không chịu khó.

Bên kia màn, tiếng ú ớ của chị Hai lại nổi lên, thành thử tôi không biết câu trả lời của anh tôi ra thế nào. Một lát mới thấy anh tôi nói:

– Chú có thương nó, bảo mang nó vào thì ra mở chứ.

Tôi lúc bấy giờ đã buồn ngủ lắm, mắt đã díp lại, bèn quay mặt vào trong rồi bảo:

– Thôi, mặc kệ nó anh ạ.

Anh tôi gắt:

– Thế thì còn nói chuyện!

Rồi anh tôi quay lưng về phía tôi, kéo chăn trùm kín đầu, co chân ngủ, không nói gì nữa. Tôi còn lắng tai nghe tiếng chiêm chiếp của con chim con như thiết tha gọi.

Rồi một lát tôi cũng ngủ nốt.

* * *

Sáng hôm sau, khi chúng tôi tỉnh dậy, đã thấy chị Hai đứng pha nước ở đầu bàn. Khi thấy chúng tôi ngồi dậy, chị nhìn chúng tôi mỉm cười hỏi:

– Có phải tối qua hai chú cãi nhau về con chim không?

Chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên. Tôi hỏi:

– Chị cũng biết à? Lúc bấy giờ chúng tôi thấy chị nói mê mãi kia mà.

Chị Hai phá lên cười, đầu ngả về đằng sau, hai bàn tay che miệng, vì chị mới nhuộm răng. Chị cười như nắc nẻ, khiến chúng tôi không hiểu ra sao. Sau chị vừa cố nén cười vừa nói:

– Hai chú có biết cái tiếng chiêm chiêm ấy ở đâu ra không? Đó là tiếng cây tre ở đầu nhà bị gió lay đấy. Tôi nằm ở gần nên nghe rõ. Đến khi thấy hai chú thương hại con chim, định mang nó vào mà sưởi, tôi buồn cười suýt nữa bị sặc. Mà định nói bảo cho chú biết là không phải thì lại vướng thuốc nhuộm răng trong miệng, không nói được. Thành ra ú ớ như người nói mê vậy.

Chị tôi kể xong lại cười. Chúng tôi nghĩ đến cái nhăm tưởng hôm qua, cũng buồn cười nốt. Ba chúng tôi cười mãi chảy cả nước mắt.

Sau anh tôi ngừng lại vui vẻ nói:

– Thế mà chúng em cứ tưởng có một con chim đáng thương nó đến gọi cửa.

CÁI CHÂN QUÊ

CUỘC ĐỜI CÓ NHIỀU CÁI CHẾ GIẾU đắng cay và đau đớn làm cho chúng ta đột nhiên hiểu cái ý nghĩa chua chát và sâu xa. Tôi sẽ kể câu chuyện dưới đây làm chứng cho sự ấy.

Tôi có một người bạn tên là Minh. Anh ta là một thiếu niên linh lợi, đảm đang và rất có nghị lực. Nhà anh vốn nghèo. Cũng vì cái nghèo ấy, mà từ thuở nhỏ, anh Minh đã phải chịu bao nhiêu nỗi khổ sở, thiếu thốn không kể những

nổi bị ức hiếp mà những người nghèo ở thời nào cũng phải chịu. Vì vậy, khi nhón lên, Minh chỉ có một chủ đích: làm giàu. Anh ta vẫn thường nói với tôi:

– Đời bây giờ chỉ có một sức mạnh, là đồng tiền. Nếu anh có tiền, anh làm gì cũng được.

Tôi mỉm cười hoài nghi trả lời rằng sự đó không chắc lắm, rằng tuy đồng tiền là một sức mạnh đáng quý thật – vì ai dám chê bai nó? – Nhưng không phải là mục đích cốt yếu ở đời và đồng tiền không đem lại cho ta sự sung sướng bao giờ cả. Minh nhún vai, cho tôi là một thi sĩ viễn vông, chỉ biết mơ màng hão mà không biết đến những sự thiết thực khác cần hơn nữa.

Nhưng anh Minh hình như bị cái không may nó ám ảnh. Những công

việc anh hằng hái làm đều bị thất bại cả. Những lúc anh tưởng được thành công, tưởng sẽ nắm trong tay được món tiền, thì lại là những lúc anh sắp được tin công việc hỏng. Cái không may ấy làm cho anh trở nên một người tăm tức, và càng ngày đồng tiền lại càng là cái ám ảnh độc nhất của trí não anh, cho đến ngày một cái không may lớn nữa đến làm anh khổ sở.

Hôm ấy anh ta đương đi trong phố, thì bị một cái ô-tô tự nhiên bỏ đường nhảy lên hè cán phải. Minh chỉ kịp thoáng nghĩ đến cái sự không may mới ấy rồi anh đau quá ngã đi.

Khi tỉnh dậy, Minh thấy mình nằm trên một chiếc giường trong nhà thương. Anh chỉ mang máng nhớ lại hình như sau tai nạn, họ có mang anh lên bàn mổ, vì lúc bấy giờ anh thoáng ngửi thấy mùi

thuốc mê. Nhưng rồi sau Minh mê đi không biết gì nữa.

Anh khe khẽ cử động chân tay, thì thấy chân bên phải như bị tê liệt. Chợt nghĩ đến sự cứa chân, Minh toát mồ hôi trán, quả tim đập mạnh.

Vừa lúc ấy, một người khán hộ bước vào phòng, tay cầm một chai thuốc. Cái câu Minh muốn hỏi người này, không ra khỏi được miệng anh ta. Minh sợ sự thực, sợ cái đã rồi, không bao giờ chữa được. Nhưng anh muốn biết.

Người khán hộ đặt chai thuốc trên bàn nói với Minh:

– Cứ hai giờ ông lại uống một thìa. Đây là thuốc cầm máu.

Minh hỏi lảng:

– Tôi ngất đi có lâu không ông?

– Lúc mang vào đây thì ông mê man không biết gì cả. Còn lúc lên bàn mổ thì ông hơi tỉnh lại một chút. Nhưng mà lại bị đánh thuốc mê ngay.

Minh hồi hộp đưa lưỡi liếm đôi môi khô ráo ấp úng hỏi:

– Thế... thế... mổ có lâu không?

Thầy khán hộ không phải là người biết tâm lý. Thấy ta đáng lẽ phải trông thấy đôi mắt của Minh sáng lên, và cái vẻ lo sợ của Minh hiện trên nét mặt. Thấy ta trả lời:

– Chỉ độ mười phút. Cửa xoẹt một cái là xong.

Và thấy ta đưa ngón trở vụt qua bàn tay trái, với một dáng điệu rất rõ rệt. Minh ngất đi.

Minh sống những ngày chán nản ghê gớm trên giường bệnh. Cụt chân! Bây giờ anh đã cụt chân thì còn làm gì được nữa. Nghĩ đến lúc phải lê cái chân gỗ như những người què anh thường vẫn gặp, Minh thấy rùng mình lạnh giá. Một người tàn tật như anh thì còn bao giờ mong đạt được cái chủ đích anh vẫn theo đuổi xưa nay nữa. Còn mong gì có tiền! Đến mong cái chân lại lành như cũ cũng không thể nào được rồi. Minh chỉ muốn tự tử.

Nhưng bốn tháng sau, khi ra khỏi nhà thương, Minh cũng quen dần với cái số phận của mình. Anh đành chịu vậy với một chân què. Đây là một sự an phận buồn rầu và khổ não, tràn lấp hết cả những sở ước của đời anh.

Nhưng, – đó là một cái may hay không may?

Minh lại hy vọng khi người thầy kiện của anh đến bảo cho anh biết có thể kiện hãng ô-tô để xin đòi một số tiền bồi thường rất lớn. Anh ta, từ đấy, hồi hộp mong đợi từng ngày cái kết quả của vụ kiện trên tòa án. Anh nghĩ đến số tiền mà anh sẽ có, nghĩ đến cái sức mạnh mà tiền sẽ mang đến cho anh. Tồi thấy anh ta lại vui vẻ, huýt sáo miệng, và toan tính thực hành những cái mộng tưởng mà anh ta theo đuổi bấy lâu nay.

Quả nhiên anh được kiện. Ngày lĩnh tiền Minh rủ tôi cùng đi. Anh mân mê những tờ giấy bạc – một vạn bạc – một cách thiết tha và khoan khoái. Mắt anh sáng lên, nhưng lần này vì vui mừng; anh giữ chặt vào ngực tập giấy bạc yêu quý, như ôm một người tình nhân.

Tuy vậy, lúc cùng đi xe trở về nhà, một mối buồn lại đến ám ảnh anh.

Minh buồn rầu, chỉ vào cái chân gỗ của anh, nói:

– Giá không què chân mà được số bạc này có phải sướng biết bao không!

Rồi anh tấm tức thở dài, mắt đắm đắm nhìn thẳng ra xa như đang suy nghĩ lung lăm.

* * *

Được ít lâu, tôi gặp Minh luôn luôn ở những chốn ăn chơi trong thành phố. Đồng tiền của anh làm cho anh đạt được mọi ý muốn. Anh lấy tiền bù đắp vào cái chỗ chân què của anh; cái sức mạnh

đồng tiền làm cho anh say sưa. Muốn tận hưởng những cái khoái lạc cũng như người khác, anh Minh vung tiền ra không tiếc.

Tôi đã có lần khuyên anh nên dè dặt, thì Minh có vẻ tấm tức trả lời:

– Anh bảo tội gì mà không tiêu cho sướng? Mà tôi còn giữ tiền làm gì cơ chứ?

Anh trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

– Anh không biết, tôi chơi bời để khuây khỏa nỗi buồn và để quên đi.

Tôi đưa mắt nhìn cái chân gỗ của anh không trả lời.

Mà thực, trong những cách hành động của Minh người ta nhận thấy như một cái chua chát, một nỗi căm hờn...

Có lẽ anh Minh không tha thứ cho số mệnh đã oái oăm với anh như thế, chỉ cho anh có tiền sau khi anh đã bị cụt một chân. Những cuộc chơi bởi của anh kịch liệt như một sự phản động mà chán nản như một vụ tự tử.

Hai năm qua. Điều mà người ta có thể đoán trước được đã đến. Phung phí trong hai năm, số tiền một vạn của anh Minh không còn một xu nhỏ. Anh lại trở lại với cái nghèo nàn như cũ, với những cái thiếu thốn của kẻ không tiền. Nhưng tâm anh đã rớm máu bi thương; lòng anh bây giờ không như trước nữa. Bây giờ trong lòng anh đầy những sự chua chát và chán nản. Cái chán nản sau những cuộc chơi bởi, cái chua chát khi nhận thấy sự thay đổi của lòng người đối với kẻ có tiền và không có tiền.

Tôi đến tìm anh Minh trong một căn nhà ở ngoại ô. Ôn lại chuyện cũ, tôi hỏi anh một cách thân mật:

– Thế nào, bây giờ anh đã quên chưa?

Minh buồn rầu, giơ cái chân cụt ra ánh sáng, thông thả trả lời.

– Không, nó ở đây, không quên được.

Anh nói cả vết thương ở ngoài hình thể và trong tâm hồn.

ĐÔI

MỘT CƠN GIÓ LỘT VÀO
LÀM SINH TỈNH GIẤC.

Anh ta thấy cái hơi lạnh của mùa đông thấm qua lần chăn mỏng, và thấy người mệt mỏi vì suốt đêm đã co quắp trên chiếc phản gỗ cứng.

Sinh cuốn chăn ngồi dậy. Thế là, cũng như những buổi sáng khác một cái buồn rầu chán nản, nặng nề ở đâu đến đè nén lấy tâm hồn.

Những đồ vật quanh mình ẩn hiện trong bóng tối mờ mờ khiến Sinh lại nghĩ đến cái cảnh nghèo nàn khổ khó của chàng. Một cái bàn con xiêu vẹo bên góc tường, một cái chõng tre đã gãy dằm ba nan, một cái ấm tích mất nắp và mấy cái chén mẻ, nước cáu vàng. Trong cùng, một cái hòm da, dấu vết còn lại của cái đời phong lưu độ trước...

Tất cả đồ đạc trong căn phòng chỉ có thế. Mà đã lâu lắm, quanh mình Sinh vẫn chỉ có những thứ đồ tồi tàn ấy, đã lâu lắm, chàng đến ở cái căn phòng tối tăm, ẩm thấp này...

Những ngày đói rét không thể đếm được nữa. Tiếng gió vi vút qua khe cửa ban đêm chàng nghe đã quen, cả đến cái mệt mỏi lả đi vì đói, chàng cũng đã chịu qua nhiều lần rồi.

Sinh thở dài, chàng nhớ lại cái ngày bị sa thải ở sở chàng làm, cái giọng nói quá quyết và lạnh lùng của ông chủ, cái nét mặt chán nản thất vọng của mấy người anh em cùng một cảnh ngộ với chàng... Từ lúc đó, bắt đầu những sự thiếu thốn khổ sở, cho đến giờ...

Một tiếng guốc ngoài hè làm cho Sinh ngừng lên trông ra phía cửa: vợ chàng về. Nàng vén cái màn đỏ treo ở cửa bước vào. Sinh thoáng trông thấy cái thân hình của vợ in rõ lên nền sáng, một cái thân thể mảnh dẻ, gầy gò trong chiếc áo the mỏng phong phanh. Cảnh tượng ấy làm cho chàng xót thương...

Vợ chàng đi lại cạnh giường, yên lặng nhìn Sinh không nói gì. Sinh với lấy tay nàng kéo xuống bên mình âu yếm hỏi:

– Em đi đâu mà sớm thế?

– Em lại đăng bà Ba ở cuối phố vay tiền.

– Thế có được không?

Vợ Sinh nhìn chồng, thở dài lắc đầu:

– Ai cho chúng mình vay bây giờ? Bà ấy còn nhớ đâu đến khi trước vẫn nhờ vả mình.

Sinh buồn rầu, nói một cách chán nản:

– Thói đời vẫn thế, trách làm gì. Nhưng bây giờ làm thế nào?

Chàng nghĩ đến cái thạp gạo đã hết, mà trong túi không còn được một đồng xu nhỏ... Đã hai hôm nay, chàng và vợ chàng thói ăn bữa gạo cuối cùng đã hai hôm, cái đói làm chàng khổn khổ...

– Làm thế nào?

Vợ chàng nhắc lại câu hỏi ấy, rồi cúi mặt khóc. Một mối tình thương tràn ngập vào trái tim chàng như một làn sóng mạnh. Sinh nắm chặt lấy tay vợ ôm vào lòng, đăm đuối, thiết tha. Chàng chỉ muốn chết ngay lúc bấy giờ để tránh khỏi cái nghèo khổn khó, nặng nề quá, đè nén ở tâm can...

* * *

Buổi chiều đến đem theo những cơn gió lạnh lùng. Sinh bắc ghế ra cái hiên nhỏ trước cửa phòng tựa vào bao lơn nhìn xuống dưới nhà. Chỗ chàng thuê ở là một căn phòng hẹp và dài, chia làm nhiều phòng. Mỗi gian phòng là một gia đình chen chúc ở, toàn là những người

nghèo buôn bán nhỏ ở các nơi.

Giờ này là giờ họ làm cơm. Trông thấy họ tấp nập làm lụng, Sinh lại nghĩ đến cái bếp nhà mình bây giờ vẫn còn tro lạnh; chàng lại lo không biết vợ đi từ sáng đến giờ sao mãi không thấy về, mà về không biết có đem cái gì không, hay lại chỉ một mối thất vọng như nhiều lần...

Nghĩ đến, Sinh lại đem lòng thương, thương người đàn bà xưa nay vẫn quen thói đài điểm phong lưu, mà bây giờ chịu khổ vì chàng... Hai bên gặp gỡ nhau trong một tiệc rượu dưới xóm cô đầu. Hồi ấy, chàng còn là một người có việc làm, còn là một người có lắm tiền. Quen biết nhau, rồi yêu mến nhau, chàng đã chẳng quản sự ngăn trở của nhà lấy nàng về. Đôi vợ chồng đã cùng nhau sống những ngày sung sướng, ái ân, những ngày còn

để lại trong trí chàng một cái kỷ niệm êm đềm, mà mỗi khi nghĩ tới, chàng không khỏi bồi hồi. Rồi sự nghèo nàn đến, đem theo những cái nhục nhằn, khổ sở, đem theo những ngày đói rét.

Tuy vậy, sự khổ sở chàng nhận thấy không làm cho vợ chàng bớt tình yêu đối với chàng. Cũng vẫn nồng nàn, đắm thắm như xưa, cái ái tình của đôi bên chỉ có thêm màu cay đắng vì xót thương nhau, cái hình ảnh một thân thể yếu đuối, mảnh dẻ in lên nền trời sáng buổi sớm mai lại thoáng hiện ra trước mắt Sinh. Chàng nhớ lại cái thất vọng không vay được tiền, đôi con mắt buồn rầu đắm đuối nhìn chàng như ngụ biết bao nhiêu âu yếm, bao nhiêu hy sinh lạnh buốt tới xương. Chàng thấy đói, một sự đói vô cùng như trong đời chàng chưa thấy bao giờ.

Đói như cào ruột, làm người chàng mệt lả đi, mắt hoa lên, trông vật gì cũng lơ mờ như lay động.

Khi có đủ ăn, đủ mặc, chàng không hề để ý đến cái đói, không bao giờ nghĩ đến. Bây giờ chàng mới được hiểu biết cái đói như thế nào. Chàng rùng mình khi nghĩ đến trước cái mãnh liệt của sự đói, chàng cảm thấy sự cần dùng của thân thể trấn áp được hết cả những lệ luật của tinh thần. Mùi xào nấu đồ ăn ở dưới sàn nhà đưa lên làm cho chàng khó chịu vô cùng. Sinh cúi đầu trên bao lơn nhìn xuống xem họ làm bữa cơm chiều. Các thức ăn tuy tầm thường, nhưng Sinh lấy làm lạ rằng chàng chưa bao giờ thèm muốn những cái đó như chàng thèm muốn bây giờ. Mấy miếng đậu vàng trong chảo mỡ phồng dần trên ngọn lửa, mấy con cá rán bắt đầu cong lại làm cho

chàng ao ước đến rung động cả người...

Không bao giờ chàng thèm muốn như bây giờ cái miếng ăn kia.

Trước kia, khi nghe chuyện người ta tranh giành nhau vì miếng ăn, chàng vẫn mỉm cười khinh bỉ. Chàng cho rằng miếng ăn là một sự không đáng kể, chỉ có cái thanh cao trong sạch của linh hồn mới là cần. Nhưng bây giờ, trong cái phút đói này, chàng mới thấy rõ cái cần mạnh mẽ của miếng ăn là thế nào.

Và chàng, trước kia phong lưu trưởng giả, trước kia khi đi qua đám bình dân bán thú và nghèo nàn này, chàng vẫn khinh bỉ và tự hỏi không biết họ sống để làm gì, sống để mà khổ sở, để mà đói rét, không biết sống đối với họ có ý nghĩa gì mà còn ham mê quyến luyến. Bây giờ chàng lại ao ước được một miếng ăn

như họ để sống qua cái ngày rét mướt bây giờ...

* * *

Một cái bàn tay nhẹ nhàng để lên trên vai. Sinh quay lại; vợ chàng tươi cười giờ ra trước mặt mấy cái gói giấy bóng gọn gàng sạch sẽ, mà thoáng trông, Sinh cũng nhận biết ngay là những thức ăn được, mà rất ngon, ở các hiệu tây mới có. Mùi thịt ướp và mùi giò thoang thoang đưa qua, Sinh rung động cả tay khi lần cởi những dây buộc chung quanh. Chàng sung sướng hỏi:

– Ô! ở đâu thế này? Em Mai lấy tiền đâu mà mua thế?

Mai nghe Sinh hỏi, cúi đầu đáp:

– Anh cứ ăn đi đã! Ăn cho đỡ đói rồi em kể chuyện cho anh nghe. Thật là may quá, mà cái bà ấy thực phúc đức quá, anh ạ.

– Ai thế? Kể đi cho anh nghe.

Mai âu yếm nhìn chồng:

– Không, anh cứ ăn đi đã kia. Vừa ăn, em sẽ vừa nói chuyện.

Rồi nàng nhanh nhẹn đặt mấy gói giấy lên bàn mở những tờ giấy bóng bọc ngoài, Sinh nhìn thấy mấy miếng thịt ướp hồng hào, mỡ trắng và trong như thủy tinh, mấy khoanh giò nạc mịn màng, mấy cái bánh tây vàng đỏ.

Mai cất tiếng vui vẻ:

– Thế này nhé, em ở nhà đi cũng là

đi liều chứ thật không biết đến nhờ vả ai được. Anh còn lạ gì các bạn hữu bây giờ; họ thấy mình nghèo khổ, thì ai người ta giúp, vì có mong gì mình trả lại người ta được. Vì thế em cứ lang thang ngoài phố, nghĩ lúc bấy giờ cực thân quá anh ạ, chỉ muốn đâm đầu xuống sông cho rảnh... Nhưng nghĩ đến anh, em lại không đành lòng... May quá, vừa lúc ấy lại gặp ngay bà Hiếu, một người quen biết từ trước. Bà trông thấy em vốn vã hỏi han như người bắt được của.

Mai nói nhanh liến thoắng:

– Bà ta tử tế quá. Cho em vay tiền, lại còn hứa giúp vốn để em buôn bán nữa. Rồi nay mai, em đi buôn cau, anh nhớ. Thật không ngờ có bà biết thương người đến như thế.

Sinh sung sướng nói:

– Nếu không thì chúng ta đành nhịn đói ngày hôm nay. Nhưng sao em mua hoang đến thế này?

Mai cúi đầu cười, hai má đỏ hồng, mấy sợi tóc rối tung trên trán càng tăng thêm vẻ kiều mỹ của nàng.

– Anh không lo. Em còn nhiều tiền. Đây anh xem.

Nàng thò tay vào trong túi áo, rút ra một tập giấy bạc, vút ra trước mặt Sinh, rồi nhanh nhẹn vui vẻ bước vào trong nhà.

– Anh đợi một lát, em đi lấy dao cắt bánh.

* * *

Nàng quay lưng đi, Sinh chợt trông thấy trên mặt đất một mảnh giấy gấp rơi

xuống đất. Chàng vô tình cúi xuống nhặt lên mở ra đọc:

“Em Mai.

Đây, anh đưa số tiền anh đã hẹn. Em muốn lấy nữa, anh sẽ cho em nốt; nhưng thế nào tối nay em cũng phải đúng hẹn đến đây, anh đợi”.

Tờ giấy trên tay Sinh rơi lúc nào chàng cũng không biết. Một cái sức nặng nề như đè nén lấy quả tim, làm cho chàng ngừng thở.

Hình như trong một giây phút, bao nhiêu cái hy vọng sung sướng của đời chàng tan đi mất.

Sinh tưởng có thể chết ngay trong lúc ấy.

Cái đau đớn chàng cảm thấy thấm thía, và sâu xa quá.

Còn mong gì đó là một sự không thật, một giấc mộng nữa.

Không còn phải ngờ vực gì cái số tiền kia chính là cái số tiền biên trong thư này. Ai cho vay mới được chứ! Sinh nhớ lại những ngày đi hỏi tiền, những buổi trở về thất vọng và buồn rầu, những lời tha thiết và oán hờn của vợ chàng kể lại về cái lãnh đạm, hững hờ của những người nàg quen biết. Bà Hiếu là bà nào?

Chẳng qua là một sự bịa đặt ra để che mắt chàng.

Sinh thấy cơn giận dữ nổi lên mãnh liệt trong lòng; đôi môi chàng tự nhiên nhách lên một cách khinh bỉ, chàng run người lên, khẽ dần từng tiếng:

– Đồ khốn nạn!

Quả tim buốt như có kim đâm. Sinh nắm chặt lấy thành ghế, nhìn cuốn bạc giấy để trên bàn, nhìn gói đồ ăn đang mở dở rồi cúi mình xuống nhặt tờ giấy gấp lên.

Một lát, yên lặng. Rồi Sinh nghe rõ tiếng tấm màn vải ở cửa vất lên trước gió, tiếng dép đi nhẹ nhàng, gần đến, gần đến bên chàng... Sinh cố hết sức cắn môi để nén cơn giận dữ đang sôi nổi trong lòng, nắm chặt tay hơn nữa cho khỏi rung động cả người.

Tay vuốt nhẹ nhàng trên tóc Sinh, vợ chàng đứng sát hẳn ngay bên người. Nàng giở giấy ra, lấy dao cắt bánh vui vẻ.

– Anh xem bánh này có ngon không? Em mua ở Hàng Trống kia đấy. Miếng thịt ướp này là hạng ngon nhất, em phải trả đến năm hào đấy anh ạ. Để em cắt

cho anh ăn nhé. Hình như anh đói lắm thì phải. Em cũng thế. Thôi chúng ta hãy ăn cho no đã, rồi sẽ liệu sau...

Nàng cắt xong miếng thịt ướp, xếp lên đĩa, tươi cười nói tiếp:

– Kìa, anh ăn đi chứ! Thật là may cho chúng mình quá. Nếu hôm nay em không gặp bà Hiếu thì không biết chúng ta làm thế nào nhỉ?

Làm thế nào? Lại nhịn như mọi hôm, chứ còn làm thế nào nữa, anh Sinh nhỉ! Anh nên cảm ơn bà ta đi. Bà thật là một người tốt, hiền hậu biết thương người. Em vừa mở miệng hỏi, thì bà đã lần ruột tượng đưa ngay cho mười lăm đồng tất cả đấy, anh ạ. Cuốn giấy bạc anh chưa đếm à? Em không nói dối anh đâu...

Cái giận của Sinh lên đến cực điểm:

chàng không nén nổi được nữa. Cái tên bà Hiếu làm chàng uất ức, vì chàng rõ những lời giả dối của vợ chàng, giả dối một cách khôn khéo, tự nhiên như thật vậy... Mai lại đến nổi thế ư? Đôi mắt trong, cái khuôn mặt hiền hậu như thế kia không ngờ lại có thể giấu được những sự tối tăm như bây giờ...

Vung mạnh cánh tay, Sinh hất Mai ra xa như người ta hất một con vật đáng ghê sợ. Mai lão đảo lùi lại sau ngã giúi vào tường, vành khăn tung, tóc xõ; nàng giương to con mắt ngạc nhiên nhìn chồng:

– Ô hay, anh làm sao thế?

Sinh cất tiếng cười, hai hàm răng rít lên, cái tiếng cười ghê gớm như tiếng cười của một người điên:

– Làm sao à? Cô lại còn hỏi tôi tại làm sao nữa... Thôi, đừng vờ đi, đừng giả dối nữa...

Sinh mở bàn tay giơ ra tờ giấy gấp đã nát nhàu.

Mai trông thấy mặt xám đi, hai tay ôm lấy đầu, người run lấy bầy. Giọng nói của Sinh càng tăng thêm vẻ chế giễu, mỉa mai, chua chát:

– Bà Hiếu tử tế đấy! Ủi chà? Nào là bà ấy tử tế, nào là thương người, nào là hiền hậu... Sao không nói, bà ấy hẹn đến đêm nay lại đến nữa...

Mai cúi đầu ôm mặt khóc nức nở. Cái tiếng khóc ấy không làm cho Sinh bớt giận, lại chỉ làm tăng thêm lên.

Như ngọn lửa đổ thêm dầu. Càng nói Sinh lại càng thấy cái giận như sôi

nổi, bông bột trong lòng. Mai sợ hãi nép vào tường, thốn thức, ngập ngừng, khẽ gọi:

– Anh Sinh... anh...

Sinh như không nghe thấy tiếng, nói luôn:

– Cô còn khóc làm gì nữa... Cô đi ngay đi, đi ra khỏi cái nhà này, tôi không muốn trông thấy mặt cô một phút nào nữa. Cô cầm lấy cái này...

Sinh giờ tay vơ cuốn giấy bạc trên bàn, ném mạnh vào người Mai; giấy bạc tung ra, rơi lả tả trên thêm. Chàng hất cả mấy gói đồ ăn xuống đất, những mẩu bánh, miếng thịt bắn tung tóe dưới bàn.

– Không ai thèm ăn những thứ khốn nạn này!

Rồi chàng mệt nhọc ngã người trên ghế, hai tay ôm lấy trán, không để ý đến Mai đang sợ hãi giờ hai tay về phía chàng cầu khẩn, van xin. Rồi nàng nấc lên khóc, kéo vạt áo che mặt, đi ra phía ngoài.

Sinh cúi đầu ngẫm nghĩ, cái giận dữ đã tan đi, để lại một nỗi buồn rầu chán nản vô cùng. Sinh thấy trong lòng nguội lạnh, một cảm giác lạnh lùng như thắt lấy ruột gan. Nghĩ đến những ngày đói rét, khổ sở đã qua, đến mấy năm nay sống trong cảnh nghèo nàn, Sinh uất ức, căm giận cho cái số phận của mình. Nhưng tại sao lại có thêm một sự đau đớn nữa? Tại sao Mai trước kia đã từng bao phen khổ sở cùng chàng, đến bây giờ đem thân bán đi lấy một vài đồng bạc, tại sao Mai lại làm sự khốn nạn ấy như giờ...

Bao nhiêu đau đớn trong tâm can làm Sinh thốn thức, ngẹn ngào. Quả

tim không đủ chứa nỗi đau thương; Sinh gục xuống bàn.

Một cơn gió hắt hiu thổi đến làm cho chàng rùng mình. Bỗng nhiên tất cả người chàng chuyển động; chàng vừa thoáng ngửi thấy cái mùi thơm và béo của những miếng thịt ướp mà mỡ còn dính ở tay.

Cơn đói lại sôi nổi dậy như cào ruột, xé gan, mãnh liệt, át hẳn cả nỗi buồn.

Chàng muốn chống cự lại, muốn quên đi, nhưng không được, cái cảm giác đói đã lấn cả khắp người như nước triều tràn lên bãi cát. Mỗi lần cơn gió, mỗi lần chàng ngửi thấy mùi ngậy béo của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng. Mũi Sinh tự nhiên nở ra, hít mạnh vào, cái mùi thơm thấu tận ruột, gan, như thấm nhuần vào xương tủy.

Sinh cúi xuống nhìn gói đồ ăn tung tóe dưới bàn; chàng lăm lét đưa mắt nhìn quanh không thấy Mai đứng đấy nữa. Khẽ đưa tay ngáp ngừng, sợ hãi Sinh vô lấy miếng thịt hồng hào.

Sinh ăn vội vàng, không kịp nhai, kịp nuốt. Chàng nắm chặt miếng thịt trong tay, nhor nhóp mỡ, không nghĩ ngợi gì, luôn luôn đưa vào miệng...

* * *

Trong gói giấy, đồ ăn đã hết, chỉ còn những cái vụn nhỏ dính trên mặt giấy bóng mỡ. Sinh thấy nóng ran trong bụng. Chàng uốn người ra đằng sau, khoan khoái thở dài. Nhưng chàng nhớ lại bức thư, cuốn giấy bạc, nhớ lại tiếng

khóc thổn thức của Mai nép bên tường, nhớ lại những lời khinh bỉ, mỉa mai chua xót. Chàng nhớ lại nỗi uất ức, đau đớn của mình...

Một cái chán nản mênh mông tràn ngập cả người. Sinh lấy hai tay ôm mặt, cúi đầu khóc nức nở.

CÔ ÁO LỤA HỒNG

HIỆP ĐI THÔNG THẢ TRONG PHỐ, MŨ ĐỘI LỆCH, miệng ngậm thuốc lá. Chàng vừa đi vừa nhìn đám người qua lại tấp nập dưới bóng nắng ấm của sáng mùa thu. Thỉnh thoảng, Hiệp đứng dừng lại trước một cửa hiệu bán đồ trang sức.

Anh ta sung sướng ngắm nghía những cái mũ phớt mềm mại, những dây lưng đẹp đẽ và những cà-vạt lụa nhiều màu rực rỡ. Tuy không có tiền để mua

những thứ đó, nhưng trông ngắm không cũng đủ cho Hiệp hưởng mấy cái vui thú của những cuộc đi chơi phiếm.

Nhất là những cuộc đi chơi của Hiệp lại còn có một mục đích khác nữa. Cứ mỗi buổi sáng chủ nhật, anh ta thẳng bộ, nói là đi chơi mát, nhưng chính thực ra chỉ cố để trông ngắm các thiếu nữ Hà thành. Sự kinh nghiệm đã bảo cho chàng biết rằng chủ nhật là cái buổi ở trong phố có lắm các tiểu thư nhất.

Giờ ấy các cô đi sắm sửa quần áo và phấn sáp, nước hoa, một công việc mà Hiệp cho là hợp với tính cách người thiếu nữ hơn cả. Chính cái sung sướng của Hiệp là được trông thấy một cô thiếu nữ xinh xắn đứng chọn các hàng mẫu để may áo kiểu mới, hay là chọn các thứ phấn và nước hoa đựng trong những hộp đẹp đẽ.

Có khi chàng đứng lặng hàng giờ, hay suốt cả buổi sáng trước một cửa hiệu bán tơ lụa để nhìn các cô thiếu nữ mua hàng. Chàng nhìn những mái tóc đen nhánh che lấp vành tai hồng hồng và xinh xắn, những sợi tóc mai lơ thơ trên má phơn phớt, những tấm thân mềm mại hay những tà áo màu tha thướt. Nếu có một cô nào tươi đẹp đi ra là Hiệp đi theo liền... Đi theo xa xa thôi, mà đi theo một cách kín đáo, không cho thiếu nữ biết. Có khi cứ như thế đi hết phố nọ sang phố kia, rồi đến khi thiếu nữ vào nhà, Hiệp ta còn đứng tần ngần ở ngoài hè... Nhưng rồi anh ta cũng thấy cái vô vị của sự đứng như thế không có lợi gì. Vì thiếu nữ có biết anh ta theo đâu, mà đâu có biết nữa, chắc cô ta cũng không để ý.

Nhiều lần, theo sau một cô thiếu nữ xinh xắn một thôi đường cũng khá mỗi

chân, Hiệp chỉ muốn tiến lên tìm cách làm quen hay nói chuyện với thiếu nữ. Nhưng cái tính rụt rè làm cho Hiệp, khi sắp sửa nói, lại ngượng nghịu, tự thấy câu mình sắp nói không có ý nghĩa gì hết. Thành thử, dưới đôi con mắt ngạc nhiên của thiếu nữ, Hiệp lúng túng rồi lại lùi xuống giữ cái địa vị đi theo như cũ.

Đã nhiều lần Hiệp tự tức mình về cái tính rụt rè ấy. Chàng thấy những anh bạn tự nhiên gọi chuyện với một thiếu nữ chưa từng quen biết ở ngoài phố một cách rất dễ dàng: chàng lăm bắm tự cho mình là hèn, nhát, và nhất định lần sau thì sẽ can đảm và mạnh bạo hơn nữa.

Nghĩ như vậy, Hiệp thối sáo ở giữa phố để lấy cái vẻ dung dị, không cần gì ai, mà chàng thấy các anh em bạn vẫn có, rồi rảo bước đi mạnh về phía bờ hồ. Chợt

chàng đứng dừng ngay lại: một thiếu nữ rẽ từ phố hàng Gai ra. Vừa gặp nàng, Hiệp đưa mắt lên nhìn – Một luồng điện như truyền khắp từ đầu đến chân – chỉ thấy đôi mắt đen nhánh của thiếu nữ và cái màu hồng của tấm áo. Thật chưa bao giờ Hiệp thấy một cô thiếu nữ xinh đẹp như thế! Anh ta cứ bàng hoàng đứng ngẩn người ra như phỗng, quên mất cả cái lễ phép tránh sang một bên để nhường lối cho thiếu nữ đi. Đến khi cô kia đưa cặp mắt ngạc nhiên nhìn anh ta lần nữa, mỉm cười như có ý chế nhạo rồi quay đi, Hiệp mới hoàn hồn, bước theo sau thiếu nữ.

Tấm áo lụa hồng phấp phới bay theo chiều gió, thiếu nữ có một cái dáng điệu mềm mại, khiến Hiệp lấy làm sung sướng rằng đã được gặp một người đẹp. Chàng nhất định chuyến này không để lỡ mất

dịp tốt, vừa theo vừa nghĩ kế làm quen với thiếu nữ.

Có lẽ thiếu nữ cũng biết anh ta theo, nên thỉnh thoảng nàng quay lại nhìn Hiệp mỉm cười. Qua phố hàng Ngang, hàng Đường, chợ Đồng Xuân... thiếu nữ rẽ qua hàng Lược, rồi đứng dừng lại trên hè, ngơ ngác nhìn hai dãy phố như người tìm số nhà.

Cố thu hết can đảm trong người, Hiệp bước rảo đến trước mặt thiếu nữ. Chàng ngả mũ chào rất lễ phép:

– Thưa cô... thưa cô...

Tự nhiên cái can đảm của Hiệp đi đâu mất cả, Hiệp thấy bối rối, mặt nóng bừng, quên mất không biết định nói câu gì nữa...

Thấy cái vẻ lúng túng của Hiệp, thiếu nữ như có ý thương hại. Đột ngột nàng hỏi:

– Anh Tân đấy à?

Hiệp đứng ngây người ra một lát. Nhưng một ý nghĩ thoáng qua trong óc Hiệp, một cách có thể thoát khỏi cái thời khắc ngưng nghịu, Hiệp liền liều trả lời:

– Vâng... chính tôi...

Thiếu nữ bỗng có vẻ vồn vã, ân cần, bước lại gần Hiệp, nói:

– Chết chữa! Thế mà tôi không nhận ra đấy. Trông bây giờ anh khác hẳn trước kia, nhớn hơn nhiều...

Rồi nàng cười chúm chím đôi môi đỏ:

– Mà từ độ ấy đến bây giờ, làm gì anh chẳng nhớn... thưa anh, hai cụ nhà ta vẫn được mạnh giỏi đấy chứ?

Đã chót thì phải chết! Hiệp ngập ngừng trả lời:

– Vâng cảm ơn cô, thầy mẹ tôi vẫn được bình thường...

Hiệp hơi lo, chỉ sợ cô ta biết là nhầm không phải, thì thật là bẽ lẽn. Nhưng thiếu nữ như không để ý đến cái vẻ lúng túng của Hiệp, cứ điềm nhiên nói tiếp:

– Từ độ anh thôi học trở về, bà tôi vẫn có ý nhớ, thường nhắc đến anh luôn và cứ mong anh ra chơi. Chắc anh ở nhà quê cũng bận lắm đấy nhỉ?

Lần này Hiệp không còn lo nữa. Anh đoán già rằng chắc cậu Tân nào đó trước có ở trọ học nhà cô này, rồi về quê nghỉ,

mà nghỉ cũng lâu nên bây giờ cô ta mới nhận nhầm được. Chàng vững dạ mỉm cười, một nụ cười rất xinh rồi nói:

– Vâng, khi ở nhà quê tôi cũng bận công việc lắm, chẳng đi đến đâu được. Nhớ bà và nhớ... cô quá, lắm lúc muốn ra hỏi thăm nhưng không sao mà rút ra được...

Thiếu nữ đưa đôi mắt đen lánh nhìn Hiệp rồi thân mật trách:

– Anh thật tệ quá! Lên Hà Nội mà cũng không đến thăm em. Anh không nhớ đến em sao? Hay anh quên em rồi?

Thiếu nữ cúi xuống mỉm cười. Hiệp cảm động trong lòng, âu yếm và lấy giọng dịu dàng:

– Không, tôi không quên em... à, quên cô đâu... không bao giờ tôi quên được...

Chàng cảm động thật, cảm động vì đôi mắt trong của thiếu nữ, đôi mắt tình tứ ngây thơ. Càng trông, Hiệp càng thấy thiếu nữ đẹp, nhất là cái miệng xinh xắn, có duyên, chúm chím như tinh nghịch.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện. Câu chuyện mỗi lúc thêm thân mật, như hai người bạn cũ gặp nhau.

Hiệp đóng vai anh Tân nào đó thật là hoàn toàn, trả lời một cách kín đáo... Có khi Hiệp cũng ngập ngừng về một câu nói, nhưng thiếu nữ hình như vui mừng gặp người cũ, không để ý đến gì cả.

Đến lúc chia tay, anh ta đã biết rõ thiếu nữ là Lan, lưu học sinh trường nữ sư phạm. Anh ta lại biết cả số nhà ở hàng Lược và lại được cô hẹn đến chủ nhật sau đến cửa trường học đón cô đi chơi.

Lúc trở về, Hiệp thấy bước chân nhẹ nhàng như người bay. Anh sung sướng tự khen mình đã bỏ được cái tính rụt rè và cảm ơn thâm cái anh Tân nào đó đã cho anh cái dịp làm quen với một thiếu nữ xinh đẹp như thế.

* * *

Sau mấy bận cùng nhau đi chơi, hai người trở đã nên một đôi bạn thân thiết.

Nhưng Hiệp vẫn có một điều lo: chàng chỉ sợ Lan biết chàng không phải là Tân thì thật rầy rà, chàng lo sợ nghĩ đến lúc Lan mời đến chơi nhà, trong lúc nói chuyện, Hiệp không thấy Lan đã động gì đến việc ấy cả.

Tuy vậy, Hiệp cũng nhất định nói thật cho Lan biết, một phần vì chàng biết

trước không giấu được mãi, một phần vì chàng chắc rằng Lan đối với chàng cũng sẽ tha thứ cho cái sự giả dối bất đắc dĩ ấy.

Hôm ấy gặp Lan, Hiệp cảm động, hồi hộp, cầm tay Lan rồi lưỡng lự nói:

– Em Lan, anh có câu chuyện muốn nói với em...

Lan nhìn Hiệp, chớp mắt nhanh, như nghĩ ngợi một chút, rồi mỉm cười cũng nói:

– Anh Tân, em cũng có câu chuyện muốn nói với anh...

– Chuyện gì, em cứ nói đi.

– Không, anh nói trước.

Hiệp lại ngập ngừng:

– Câu chuyện của anh... em tha thứ

cho nhé. Hôm ấy, anh đã nói dối em, vì anh... không phải là Tân!

Lan cười giòn vui vẻ, đáp:

– Em cũng không phải là Lan!

Thấy Hiệp mở to đôi mắt, ra dáng không hiểu, nàng tiếp thêm:

– Em không phải là Lan của anh Tân, mà của anh cơ! Nghĩa là... em biết anh không phải là Tân.

– Em biết?

– Vâng.

Hiệp ngơ ngác; chàng hỏi:

– Thế là làm sao? Anh không hiểu.

Lan lấy tay che miệng, giảng:

– Có gì đâu. Hôm ấy em thấy anh cứ

lúng túng mãi, nên em mới giả vờ hỏi thế cho anh đỡ ngượng, chứ có anh Tân, anh Tiếc nào đâu.

Hiệp chột hiểu, vui vẻ cười.

Một lát, Hiệp sung sướng hỏi:

– Thế em biết anh? Em yêu anh?

Lan đưa đôi mắt đen láy, ngây thơ nhìn Hiệp:

– Không, em chỉ biết anh theo em, chứ không quen biết anh bao giờ, nhưng em thấy anh cứ ấp úng mãi không nói được câu gì, em thương hại...

MỘT ĐỜI NGƯỜI

TIẾNG CÒI TAN VIỆC NỔI
LÊN VANG ĐỘNG trong
không khí. Lập tức các công việc trong
xưởng đều ngừng lại. Bọn thợ đàn ông
vội lấy áo mũ trên mắc rồi hấp tấp dồn
nhau đi ra phía cửa như một lớp sóng
người.

Sau cùng mấy chị em bạn gái thông
thả hơn, vì công việc họ làm xong đã lâu
rồi. Họ làm trong một xưởng xe tay. Liên
nhìn lại một lần nữa cái thùng giặt đầy

áo đệm sạch sẽ. Bọn thợ con gái ra đến cửa sau hết mọi người. Họ vui vẻ nói chuyện luôn miệng như những con chim sẻ ngày mùa. Nhưng Liên không thể giữ được cái rùng mình sẽ rung chuyển thân thể nàng mỗi lần đến trước mặt chú Tây đen cao lớn ngồi canh cổng và khám các người làm công. Toàn thân Liên cứng lại dưới hai bàn tay mập mập đen thui nắn bóp khắp cả trong người.. Nàng nhắm mắt như không muốn trông thấy cái cười khả ố của người gác và hai con mắt sâu hoắm của hắn ta long lanh ham muốn.

Ra đến ngoài, Liên nhẹ hẫng người. Cảnh tấp nập ở ngoài phố làm nàng vui vẻ. Mấy chị em bạn cùng rảo bước trên vỉa hè, vừa đi vừa nói những câu chuyện trong sở, thỉnh thoảng làm cho một cô bật lên tiếng cười con trẻ. Liên và mấy cô bạn gái của nàng tuy đã có đến hàng

nghìn lần, mà lần nào ở trong xưởng ra về, cũng thấy vui vẻ trong lòng như một người vừa làm xong công việc của mình. Cái vui giản dị ấy làm cho nàng quên trong chốc lát những nỗi khó nhọc và các ý nghĩ lo buồn.

Đến chỗ rẽ sắp phải chia tay, tất cả bọn đứng dừng lại dưới gốc cây bàng. Liên sẽ bảo các bạn:

– Các chị bây giờ về nhà, chắc chồng con vui vẻ lắm. Chỉ có em là khổ thôi.

Mọi người nhìn Liên không nói gì. Vì họ biết Liên lấy phải người chồng vũ phu ác nghiệt, hay đánh đập nàng. Lại thêm mẹ chồng cũng ác nghiệt chẳng vừa, hơi một tí là đay nghiến nàng thậm tệ, đến nỗi cấm cả không cho các bạn lai vãng đến nhà nàng nữa.

Khi Liên quay đi, mấy người bạn nhìn theo thương hại:

– Chị Liên thật là khổ. Đi làm cầm cạp suốt ngày để nuôi cả nhà chồng, về nhà lại bị chồng nó hành hạ.

Cô Sinh, nhiều tuổi nhất trong bọn, giọng nói đầy vẻ tức giận:

– Tôi mà như chị ấy thì thôi bỏ quách đi lấy người khác. Mình làm kiếm được nuôi thân, có phải nhờ vả gì nhà chồng đâu mà sợ.

Một người khác chép miệng thở dài:

– Chẳng qua cũng là tại cái số chị ấy vất vả nên mới gặp người như thế.

* * *

Liên một mình thong thả bước đi. Nàng không còn vui vẻ nữa vì sắp về tới nhà. Nàng buồn rầu nghĩ đến cái cảnh êm thấm trong gia đình của các bạn, khi đi làm về được chồng con săn sóc đến. Về phần nàng, không phải một cái gia đình mà nàng lui tới nữa, chính là một cái địa ngục. Liên không hiểu tại sao chồng nàng và mẹ chồng nàng lại ác nghiệt, ghét nàng như thế. Có lẽ vì xưa kia cha mẹ nàng đã bắt người ta phải dẫn cưới nhiều chăng? Nàng đoán có lẽ thế vì mỗi lần chửi mắng bà mẹ chồng lại nhắc đến chuyện ấy mà đay nghiến nàng.

Liên thở dài nhớ lại quãng đời nàng từ lúc đi lấy chồng.

Bảy tám năm qua, mà Liên tưởng hình như lâu lắm, hình như đã hết nửa đời người. Nàng về nhà chồng từ năm không lấy Tâm, người nàng quý mến từ

nhỏ và bây giờ cùng làm một sở với nàng, Liên cũng không rõ tại sao nữa. Khi cha mẹ nàng ngỏ ý gả cho Tích, lấy cớ rằng hai nhà vẫn quen biết nhau, Liên tuy không bằng lòng nhưng nàng cũng không từ chối. Mà nàng cũng không dám từ chối cái gì. Nàng tưởng rằng mình sinh ra chỉ để chịu sai khiến mà thôi, không dám phản kháng bao giờ cả.

Trong bảy năm ở nhà chồng, nàng chịu bao nhiêu nỗi khổ sở, hành hạ mà không dám kêu ca. Liên chỉ âm thầm đau đớn.

Nàng thương hại cho Tâm đã khổ vì nàng. Khi được tin nàng đi lấy chồng, Tâm bỏ nhà trốn đi. Cách đây một năm, sự tình cờ lại khiến cho nàng với người cũ gặp nhau cùng một sở; Tâm vẫn yêu cầu nàng bỏ chồng cũ để lấy chàng.

Liên nhiều khi sung sướng tưởng đến cái đời dễ chịu của nàng nếu lấy Tâm. Nhưng Liên vẫn chối. Chính nàng cũng không hiểu tại sao mà từ chối. Hình như có những cái lẽ tối tăm làm cho nàng sợ hãi, không dám nhận lời. Liên lơ mơ thấy rằng nàng không đủ can đảm làm một việc như thế, không đủ quả quyết với mình để chống lại những cái cay nghiệt gây nên chung quanh nàng. Không phải vì nàng quyến luyến đứa con lên sáu: nàng không yêu nó vì nó cũng xác láo như bố.

Nhưng bỏ chồng bỏ con để lấy Tâm, để được sung sướng riêng lấy mình nàng. Liên cho như là một việc không bao giờ có thể làm được.

Sáng nay, vào đến sở, nàng thấy Tâm khác mọi ngày thường. Chàng gọi nàng ra một chỗ và ứa nước mắt nói:

– Liên ạ, mai tôi phải đi Sài Gòn, mà đi chưa biết đến bao giờ mới được về. Liên nghĩ thế nào? Nếu Liên còn yêu tôi, xin Liên đi hẳn với tôi, chúng ta sẽ xa hẳn chỗ này. Tôi cam đoan làm cho đời Liên được sung sướng. Liên bằng lòng đi, Liên!

Nàng chỉ cúi mặt khóc. Khi thấy Tâm thất vọng quay đi, nàng đau đớn, uất ức, như đứt từng khúc ruột. Hình như từ đây có cái gì gãy nát không phương vớt lại được trong cả đời nàng.

* * *

Bước chân vào nhà, tự nhiên Liên thấy lo sợ. Không khí trong nhà nặng nề như sắp có tai nạn gì xảy ra. Tích và bà mẹ đương ngồi bàn tán, thấy nàng về ngừng lại, mỗi người ra ngồi một chỗ, nhưng thỉnh thoảng đưa mắt nhìn nàng.

Liên lặng lẽ vào buồng xem con ngủ, rồi ngồi bên mâm cơm nguội để phần. Nàng và vôi vàng mấy miếng cơm, cố nuốt cho xong bữa.

Bỗng nhiên bà mẹ chồng lại gần, giọng dịu dàng làm nàng ghê sợ:

– Này cô Liên, thế cô định theo cậu Tâm vào Sài Gòn thật đấy chứ?

Liên giật mình, hoảng hốt đáp:

– Thưa mẹ, ai bảo mẹ thế?

– Lại còn ai bảo nữa. Mà cần gì phải có ai bảo tôi mới biết. Thôi, cô có đi thì cứ thu xếp mà đi đi, đừng ở đây nữa. Phải, cô thiết gì cái nhà này...

Liên thưa:

– Mẹ nói oan cho con, chứ con đâu dám thế.

Bà mẹ chồng lồng lộn lên, xỉa xói:

– Đùng già mồm nữa, con kia! Có người rõ ràng trông thấy mày đừng nói chuyện với nó buổi sáng nay, còn chối gì nữa, đồ khốn nạn! Này tao bảo thật: mày tưởng mày đi thoát được cái nhà này à?

Bà cụ đay nghiến và nhiếc móc nàng bằng những lời chua cay. Tích vẫn ngồi trên ghế, yên lặng không nói gì. Liên ứa nước mắt, đặt bát cơm ăn dở xuống chiếu, phàn nàn:

– Mẹ cứ đặt điều cho con mãi. Thật là ác, không cho người ta nuốt trôi miếng cơm nữa.

Nàng ghen ngào, buông dũa đứng dậy toan bước xuống dưới nhà.

Nhưng có tiếng xô ghế, rồi một bàn tay nắm chặt lấy cổ nàng:

– Mày bảo mẹ tao ác à? Không ác để cho mày tự tiện đi theo trai phải không?

Bàn tay như sắt bóp chặt xoay nàng lại. Liên thấy giáp mặt mình, cái mặt ghê sợ của Tích, hai mắt đỏ ngầu. Cái giận dữ làm tiếng hân run lên:

– Con đi!

Liên thoáng nghĩ đến nét mặt thanh tao của Tâm ban sáng. Nàng khinh bỉ nhìn chồng:

– Buông tôi ra!

Rồi nàng gục xuống dưới những cái dầm, đá nặng nề. Lòng ghen ghét làm Tích khỏe thêm lên. Hân nghiến răng lại đánh túi bụi. Hân thấy ghét nàng đến cực điểm. Không phải vì nàng không yêu mà hân căm tức. Nhưng nàng lại đi yêu một người khác, như đâm vào lòng tự

ái của hắn. Sự ấy không bao giờ hắn tha thứ được.

* * *

Khi Liên thấy tiếng nói, tỉnh lại, thì đã chiều. Mở mắt, nàng thấy đứa con đứng bên cạnh sợ hãi nhìn nàng. Liên vùng ngồi dậy, lo sợ, vì sức nhớ đã mất buổi làm. Nhưng khi cử động, nàng thấy khắp người đau đớn như dằm, và cái quang cảnh buổi trưa lại hiện ra trong trí.

Một sự căm hờn nổi dậy trong lòng nàng; Liên nhớ ra ngày mai Tâm phải đổi Sài Gòn. Sao nàng lại không đi với Tâm được? Ai cấm? Mà tội gì nàng ở đây để chịu những nỗi khổ sở như thế này? Phải đi, đi để thoát nơi địa ngục, đi để hưởng chút hạnh phúc mà nàng có quyền được hưởng ở đời.

Nhưng đến ngày mai, những điều dự định của Liên tiêu tán cả. Nàng ẵm con ra tiễn Tâm ngoài ga, rồi để Tâm một mình bước lên xe hỏa, mang theo đi cái hy vọng cuối cùng của đời nàng. Khi đoàn xe đã khuất, Liên thấy bao nhiêu nỗi đau khổ trỗi dậy ngập lòng. Nàng gục đầu vào chiếc cột sắt rồi òa lên khóc.

Ngày nọ nối tiếp ngày kia. Liên lại vẫn chịu cái đời khổ sở, đau đớn mọi ngày. Cái mộng cuộc đời sung sướng với Tâm, Liên buồn rầu cho như là những vật tốt đẹp mà nàng thấy bày trong tủ kính các cửa hàng, những vật quý giá mà nàng tưởng không bao giờ có thể về nàng được.

NGƯỜI LÍNH CŨ

MỘT BUỔI TỐI VỀ THÁNG CHẠP, TÔI CÙNG với một người bạn có việc cần phải về quê. Khi ở tàu xuống một cái ga nhỏ thì đã gần mười giờ đêm. Chúng tôi còn phải đi qua một quãng đồng vắng đến bảy, tám cây số nữa.

Trời rét như cắt ruột, mà gió lại thổi mạnh. Chúng tôi vừa cúi lom khom đi, vừa run cầm cập, tuy đã mặc rất nhiều áo: bộ quần áo tây bằng dạ, ngoài khoác

áo ba-đờ-suy, ngoài nữa lại khoác một cái áo tơ đi mưa. Một chiếc khăn quàng bằng len quấn kín lấy cổ và mặt lên đến mang tai.

Cánh đồng chúng tôi đi qua là một cánh đồng màu, bấy giờ chỉ còn trơ cuống rạ trên đất nẻ khô. Làng mạc đã ngủ yên lặng trong đêm tối, không còn một bóng lửa nào. Thỉnh thoảng, bên con đường khúc khuỷu chúng tôi đang đi, hiện ra cái vùng đen thẫm của một cây nhãn, nổi lên nền trời đen nhạt hơn.

Hai chúng tôi cầm đầu rảo bước mau, chỉ mong chóng về tới nhà. Đi được một quãng khá dài, chân đã thấy mỏi, bỗng người bạn tôi chỉ tay về phía trước, nói:

– Sắp đến quán đa rồi, đến đây ta hãy nghỉ một chút đã rồi hãy đi.

Tôi gật đầu biểu đồng tình. Quán đa là một cái nhà nhỏ xiêu vẹo, sắp đổ nát; ban ngày, có một bà cụ già dọn hàng nước bán ở đây cho những người đi làm đồng, nhưng đến tối bà cụ lại dọn hàng về. Những khi về quê chúng tôi vẫn thường ghé vào đây uống chén chè tươi, và nói dăm ba câu chuyện với những người nhà quê vào nghỉ ở đó.

Gần đến nơi, tôi đã nghe tiếng ào ào của lá đa lật gió, một cây đa cổ, mà vùng đây, người ta bảo là đã sống lâu lắm. Chúng tôi cúi mình bước vào quán, tới cái bục bằng đất, phủ một manh chiếu của bà hàng trải lên đất thay ghế cho khách ngồi.

Vừa ngồi xuống, chúng tôi đã ngạc nhiên nghe thấy tự trong xó tối đưa ra một tiếng rên khừ khừ như tiếng rên của người ốm.

Bạn tôi nghe thấy tiếng hỏi:

– Ai đó?

Chúng tôi nghe thấy tiếng người của mình, tiếng chiếu sột soạt; hình như người đó ngồi dậy. Rồi một tiếng nói khàn khàn trả lời, tiếp theo mấy tiếng ho rũ rượi:

– Tôi. Các thầy đi đâu bây giờ?

– Chúng tôi về Mụ.

Tuy có nghe tiếng, nhưng chúng tôi không trông thấy gì cả, vì trong quán tối như mù. Bạn tôi lại hỏi:

– Ai đó? Sao lại ra đây mà ngủ, có rét chết không?

– Các thầy tính không nhà không cửa thì phải ra đây vậy chứ biết làm thế nào.

– Làng bác có gần đây không? Sao không ngủ nhờ người trong làng?

Người ấy lại ho rũ một hồi nữa mới trả lời được:

– Tôi ở gần ngay đây. Nhưng mình nghèo khổ, ai người ta cho ngủ nhờ, người ta khinh tôi không thích. Ấy, thà rằng ra ở nhà bà cụ hàng nước đây lại còn hơn, bà ta tử tế.

Lời nói khí khái đó làm chúng tôi ngạc nhiên. Người đàn ông lại hỏi:

– Thầy có thuốc Lào cho tôi xin...

– Có. Nhưng mà không có thuốc.

– Thuốc đây.

Tôi nghe thấy anh ta sờ soạng trong bóng tối. Chúng tôi nhích lại gần.

Tôi cho tay vào túi lấy thuốc, rồi nói với bạn tôi một câu bằng tiếng Pháp:

– Thật là rét quá nhỉ.

Tức thì người đàn ông trả lời:

– Vâng, rét thật.

Tôi sửng sốt hỏi:

– Bác cũng biết tiếng Tây à?

– Thưa, gọi là biết qua loa một vài chữ. Hồi trước chúng tôi cũng có đi lính sang Pháp.

Que diêm đánh lên, thoáng ánh lửa sáng, tôi nhận ra một người đã đứng tuổi, gầy còm và hốc hác, ngồi co ro trên cái bục đất sát vách. Quần áo bác ta rách nát, trên vai phủ một cái bao gạo đã thủng nhiều chỗ.

Không đợi cho chúng tôi hỏi, bác ta hấp tấp kể chuyện về thân thể bác, như hể hả vì được kể lại với người lạ cái đời gian truân của mình:

– Hai thầy nghe, tôi cũng đã có lúc sung sướng, chứ có phải khổ như bây giờ đâu. Lúc bấy giờ tôi đăng lính sang Tây mới có ngoài hai mươi tuổi. Ở bên ấy bốn năm được làm bếp. Tôi lại có cả vợ đầm, nó thương yêu tôi lắm. Nhưng từ khi về nước đến giờ, lo việc làm ăn, nên tôi cũng chẳng gửi tin tức gì sang cả. Không biết ở bên ấy nó ra sao.

Rồi anh ta thuật lại cho chúng tôi nghe cái đời anh đã được sống ở bên Pháp. Những khi khoác tay vợ đi xem chớp ảnh, trong túi có ba, bốn trăm quan, vào hàng cà phê uống rượu rồi đi tiệm khiêu vũ. Những khi theo vợ về quê ở miền Provence, ra cánh đồng hái nho,

rồi cùng đoàn kéo nhau về nhảy hát vui vẻ quanh cái giếng rượu nho ở giữa làng. Anh ta nhắc lại những tên tỉnh đã ở qua, bây giờ xa xôi mù mịt: Toulouse, Bordeaux, những tên làng nhỏ anh ta qua chơi: Militry, Saint-Etreuil.

– Bác đã qua Paris chưa?

– Có, tôi được ở Paris năm tháng, Montmartre, Bois de Boulogne tôi đã đi xem cả.

Chúng tôi yên lặng nghe anh kể – không khỏi buồn cười khi tưởng đến những cảnh tượng xán lạn ánh sáng ở thành phố Paris, lại nghĩ đến bác lính này, bây giờ là một anh nhà quê An Nam nghèo khổ ngồi bó gối hút thuốc lòn trong một cái quán vắng giữa chốn đồng không mông quạnh.

Bạn tôi hỏi:

– Thế làm sao mà bây giờ bác như thế này?

Bác lính thở dài, như trút bao điều uất ức ra hơi thở, chép miệng đáp:

– Cũng là cái vận mình như thế, hai thầy ạ. Khi tôi mãn về, nhà cũng có trâu, ruộng cày cấy đủ dư dật. Một năm sâu ăn, mấy năm mất mùa, nước lụt thành hết sạch cả. Lại thêm một vài cái kiện vì rắc rối trong họ, thế là gia tài khánh kiệt. Đến bây giờ thì thật là một thân, một mình, không nhà, không cửa.

– Thế sao bác không tìm việc làm, hay là xin nhà nước giúp?

– Có, tôi đã đi làm ở tòa sứ được hơn một năm, thì ông quan thấy tôi về Pháp, tôi cũng bỏ việc. Từ độ ấy, người

ta cũng có giúp kỳ được mười đồng, kỳ dăm đồng. Nhưng hai thầy tính sao đủ: tôi lại bị bệnh ho ra máu và hoa cả mắt nữa, bao nhiêu tiền thuốc men hết cả.

Bác ta nói đến đấy lại vớ cái điều cây đánh diêm châm hút. Tôi thấy mặt mặt bác hốc hác thêm; bác hút xong, đặt điều, ho rũ rượi một hồi rồi lại ngồi yên lặng trong bóng tối.

Chúng tôi không biết nói gì để an ủi bác, sửa soạn đứng dậy đi. Bác ta xin vài chiếc diêm và mấy điều thuốc Lào. Khi que diêm sau cùng sáng lên, tôi thấy bác nhìn chúng tôi ngập ngừng như muốn nói gì mà không dám nói. Tôi ngờ bác ta muốn xin tiền mà không dám xin chẳng? Đã toan đãi bác mấy hào chỉ, nhưng tôi lại lưỡng lự không đưa, sợ làm tủi bác ta quá. Tôi thấy bác khẽ thở dài.

Ra khỏi quán, gió thổi mạnh làm tung tà áo. Trời lấm tẩm mưa, rét buốt cả chân tay. Chúng tôi đi yên lặng, nghĩ đến người lính khốn nạn kia, bây giờ lại đắp manh chiếu rách không đủ che thân, nằm nhớ lại những lúc khoác tay vợ đầm bước vào tiệm nhiều ánh sáng, tận bên kia trái đất. Những kỷ niệm sung sướng ấy bây giờ đối với anh ta chưa xót biết bao.

Như cùng một ý nghĩ, người bạn tôi thông thả nói:

– Chắc anh ta bây giờ đang mơ mộng nhiều cái đẹp lắm thì phải.

Tôi yên lặng, không trả lời. Chúng quanh chúng tôi, cái đen tối của đêm khuya đầy dằng dặc.

HAI LẦN CHẾT

DUNG LÀ CON THỨ BỐN. Vì vậy khi nàng ra đời, không được cha mẹ hoan nghênh lắm. Thực ra, không phải cha mẹ nàng hắt hủi con, vẫn coi người con như một cái phúc trời ban cho, nhưng lúc bấy giờ cha mẹ nàng đã nghèo rồi. Với ba người con trước, hai trai, một gái, cha mẹ Dung đã thấy khó nhọc, vất vả làm lụng mới lo cho đàn con đủ ăn, và hai con trai được đi học. Sau Dung lại còn con bé út nữa, nên cảnh nhà càng thêm túng bấn.

Khi sinh ra Dung, mẹ nàng vì bận buôn bán, giao phó nàng cho người u già trông nom. Người u già này ở nhà Dung đã lâu lắm, đã nuôi và săn sóc tất cả anh chị Dung từ lúc bé. Nhưng, không biết vì có phải thấy Dung ra đời trong sự lãnh đạm, mà u già đem bụng thương yêu Dung lắm. U săn sóc, bế ẵm nàng, và chăm chút nàng quý như con đẻ vậy, tuy Dung lúc bé ốm yếu khó nuôi và lại ghẻ lở bẩn thỉu nữa.

Cha Dung chẳng làm gì cả. Từ xưa đến nay vẫn thế. Hình như ông ta sinh ra đời là chỉ để ngồi ở nhà cho lúc nào cũng có người và để những ngày giỗ tết trong họ, khăn áo chỉnh tề đi ăn cỗ mà thôi. Không ai thấy ông ta làm một việc gì, mà cũng không ai nghĩ đến sự ông ta phải làm một việc gì.

Ông lúc nào cũng ngồi rung đùi bên cạnh cái điều ống mà sửa chữa rất kêu, thỉnh thoảng hút một điều, rồi ngồi trầm ngâm như đang nghĩ ngợi một sự gì quan trọng. Những lúc ấy u già biết là ông chẳng nghĩ sự gì quan trọng cả, bèn đem Dung đến cho ông bế. Ông giờ hai tay ẵm Dung vào lòng hôn hít, rồi xốc Dung lên trên đùi, ngoáy bụng cho nó cười, rồi lại trịnh trọng đưa trả u già. Xong ông lại ngồi nghĩ ngợi.

Có lẽ ông nghĩ tình cảnh nhà ông, hồi còn ông cụ đi làm việc quan, rất giàu có và hách dịch suốt một vùng này. Từ khi cụ cố mất đi, cơ nghiệp ăn tiêu dần, cảnh nhà thành ra sa sút, chỉ còn cái danh không.

* * *

Cha mẹ Dung cũng không nghĩ đến sự bắt nạt đi học như anh chị nà, có lẽ vì nghĩ rằng lo cho hai người cũng đã đủ.

Dung càng nhớn càng gầy gò đi. Suốt ngày nà chỉ chạy đánh khăng đánh đáo với lũ trẻ con nhà “hạ lưu” – cha nà gọi thế, những người nghèo khổ trú ngụ ở chung quanh xóm chợ. Nhiều khi đi đâu về trông thấy, cha nà gọi về, đánh cho mấy roi mây và cấm từ đây không được chơi với lũ trẻ ấy. Nhưng trận đòn xong, Dung lại mon men chơi với lũ trẻ, và thấy hình như cha nà cũng chỉ cấm lấy lệ chứ không thiết gì đến, nà lại vững tâm nhập vào bọn “hạ lưu” suốt ngày đông dài ở ngoài chợ.

Một đôi khi, mẹ nà có dịp về đến nhà, trông thấy nà quần áo lôi thôi

lếch thếch và chân tay lấm bùn, chỉ chép miệng thở dài nói:

– Con này rồi sau đến hỏng mất thôi.

Rồi bà lại quay đi buôn bán như thường, sau khi đã để lại cho chồng một món tiền tiêu pha trong nhà, và sau khi anh chị Dung mỗi người đã nung nấu đòi được một hào để ăn quà.

Dung thấy thế cũng chẳng ganh tị, vì nà xưa nay đối với các anh chị cũng không thân thiết lắm. Những khi đang chơi thấy đói, nà lại chạy về xin u già bát cơm nguội hay thức ăn gì khác – thế nào u già cũng đã để phần – rồi lại chạy nháy như một con vật non không biết lo nghĩ gì.

Những sự ấy đã làm cho Dung có một cái tính an phận và nhẫn nại lạ lùng.

Ngày trong nhà có tết nhất, các anh chị em nàng được mặc quần áo mới vui chơi, còn nàng vẫn cứ phải áo cũ làm lụng dưới bếp, Dung cũng không ca thán hay kêu ca gì. Mà nàng biết kêu ca cũng không được. Nhiều lần nàng đã nghe thấy u già nói với mẹ nàng may cho cái áo, thì mẹ nàng trả lời:

– May cho con nặc nô ấy làm gì. Để nó làm rách nát ra à?

Còn nói với cha thì Dung biết là vô công hiệu, vì cha nàng không dám tự ý cái gì bao giờ cả.

* * *

Cuộc đời cứ đi như thế trong cái xô chợ cón con ấy.

Thấm thoát Dung đã mười bốn tuổi, nhưng ai cũng tưởng là hãy còn trẻ con, mà tính tình nàng như đứa trẻ con thật. U già đã có khi phải gắt lên với nàng:

– Bây giờ cô phải đứng đắn lên một tí chứ. Nhiều tuổi rồi còn gì nữa.

Dung ngây thơ hỏi:

– Đứng đắn là thế nào cơ, u?

– Đứng đắn là đứng đắn chứ còn là thế nào nữa, cô hỏi lẩn thẩn lắm. Cô không có vẻ người nhớn một tí nào cả.

– Ừ thì tôi không người nhớn. Nhưng không người nhớn thì làm sao hở u?

U già vác quạt đánh; Dung chạy lại ôm lấy, rồi âu yếm ghé tai u già nói khẽ:

– Tôi có người nhớn, cậu, mợ cũng không yêu hơn cơ mà.

Thế là hai u cháu lại lặng yên không nói gì nữa.

Một hôm mẹ Dung đưa một bà ở trên tỉnh về chơi. Thấy người lạ, nhất là cách ăn mặc thị thành của bà khách, Dung cứ đứng dán mắt lên nhìn. Mà lạ thay, lần này Dung không thấy mẹ quát mắng bảo lui đi như mọi bận có khách khác. Mà bà khách lạ cũng chăm chú nhìn Dung từ đầu đến chân, lại hỏi han Dung nữa.

Sau hai bà thì thăm với nhau mãi. Mẹ Dung mời bà khách ở lại ăn cơm, rồi thân hành tiễn bà ra ga.

Bẵng được ít lâu, một hôm mẹ Dung đổ hàng về, gọi Dung lại gần, lấy ra một gói bọc giấy mà bảo:

– Đây, áo mới của cô đây. Lấy ra mà thay, chứ ai lại ăn mặc rách rưới như thế kia bao giờ.

Dung se sẽ cầm gói giấy mở ra, thấy hoa cả mắt: nào áo nhiễu trắng, bom bay hồng, áo lụa màu hoa lý. Lại còn mấy chiếc quần lụa cạp đỏ, mấy cái áo cánh vải phin, mấy cái cổ yếm máy và mấy chục thước vải. Dung cất tiếng run run hỏi:

– Của những ai đấy, mẹ?

– Không, riêng của con đấy thôi.

Dung sung sướng mân mê các cúc áo. U già cũng lại gần xuýt xoa khen.

Từ hôm ấy, mẹ Dung chiều chuộng Dung lắm, không ghét bỏ như trước. Bà bắt Dung ăn mặc chỉnh tề, tập đi giày – (nhưng vắng mặt mẹ, Dung lại vút giày đi chơi, vì nàng không quen đi) – bắt vấn tóc, và nhuộm răng.

Cuối tháng tám năm ấy, bà khách lại xuống chơi ở lại ăn cơm. Mẹ Dung gọi Dung vào buồng, đóng cửa rồi thì thảo với con đến hơn một tiếng đồng hồ.

Sau cửa mở, thấy Dung bước ra mắt đỏ hoe như mới khóc, và bẽn lẽn không dám trông bà khách. Nhưng u già dõ dành ít lâu, Dung lại vui vẻ và cười đùa như cũ. Hễ trẻ láng giềng có chế nhạo, Dung chỉ mỉm cười.

* * *

Thế là Dung đi lấy chồng.

Nàng đi lấy chồng cũng ngỡ ngàng và lạ lùng như người nhà quê lên tỉnh. Dung coi đi lấy chồng như một dịp đi chơi xa, một dịp rời bỏ được cái gia đình lạnh lẽo và cái xóm chợ quen mắt quá của nàng.

Đi lấy chồng đối với nàng là hưởng một sự mới.

Vì thế, khi bước chân lên ô-tô về nhà chồng, Dung mới biết chồng là một anh học lớp nhì, vừa lẩn thẩn vừa ngu dốt. Nàng đã bé mà chồng nàng lại choắt hơn. Nhưng bà mẹ chồng với các em chồng nàng thì to lớn, ác nghiệt lắm.

Qua ngày nhị hỉ, Dung đã phải tháo bỏ đôi vòng trâm mẹ chồng, ăn mặc nâu sồng như khi còn ở nhà, rồi theo các em chồng ra đồng làm ruộng. Nhà chồng nàng giàu, nhưng bà mẹ rất kiệt, không chịu nuôi người làm và bắt con dâu làm.

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc nặng nhọc, bây giờ tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi! Chồng nàng thì cả ngày thả

điều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại day nghiêng:

– Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà xụi đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

– Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Máy trăm bạc đám cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về kể nỗi khổ sở của nàng nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

Một hôm tình cờ cả nhà đi vắng, Dung vội ăn cắp mấy đồng bạc trinh lên ra ga lấy vé tàu về quê. Đến nơi, mẹ nàng ngạc nhiên hỏi:

– Kia, con về bao giờ thế? Đi có một mình thôi à?

Dung sợ hãi không dám nói rằng trốn về, phải tìm cơ nói dối. Nhưng đến chiều tối, nàng lo sợ quá, biết rằng thế nào ngày mai mẹ chồng nàng cũng xuống tìm. Nàng đánh bạo kể hết tình đầu đuôi cho cha mẹ nghe, những nỗi hành hạ nàng phải chịu, và xin phép cho nàng ở lại nhà.

Cha nàng hút một điếu thuốc trong cái ống điếu khảm bạc rồi trầm ngâm như nghĩ ngợi. Còn mẹ nàng thì dùng dùi giận mắng lấy mắng để:

– Lấy chồng mà còn đòi ở nhà! Sao cô ngu thế? Cô phải biết cô làm ăn thế đã thấm vào đâu mà phải kể. Ngày trước tôi về nhà này còn khó nhọc bằng mười chứ chả được như cô bây giờ đâu, cô ạ.

Sớm mai, bà mẹ chồng Dung xuống. Vừa thấy thông gia, bà đã nói mát:

– Nhà tôi không có phúc nuôi nổi dâu ấy. Thôi thì con bà tôi lại xin trả bà chứ không dám giữ.

Mẹ Dung cãi lại:

– Ô hay, sao bà ăn nói lạ! Bây giờ nó đã là con dâu bà, tôi không biết đến. Mặc bà muốn xử thế nào thì xử. Chỉ biết nó không phải là con tôi nữa mà thôi.

Bà nọ nhường bà kia, rút cục Dung được lệnh của mẹ phải sửa soạn để đi với mẹ chồng.

Bị khổ quá, nàng không được khóc nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời day nguyền, những nỗi hành hạ nàng sẽ phải chịu, Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì cả. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy dòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi nước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màng đen tối đến che lấp cả.

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ cửa mình muốn trả lời.

– Tỉnh rồi, tỉnh rồi, không lo sợ gì

nữa. Bây giờ chỉ đắp chăn cho ấm rồi sắc nước gừng đặc cho uống là khỏi.

Dung dần dần nhớ lại. Khi nàng mở mắt nhìn, thấy mình nằm trong buồng, người u già cầm cây đèn con đứng đầu giường, nhìn nàng mỉm cười một cách buồn rầu:

– Cô đã tỉnh hẳn chưa?

Dung gật:

– Tỉnh rồi.

Một lát, nàng lại hỏi:

– Tôi làm sao thế nhỉ... Bà cả đâu u? Bà ấy về chưa?

U già để tay lên trán Dung, không trả lời câu hỏi.

– Cô hãy còn mệt. Ngủ đi.

Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

– Cô định tự tử để đeo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào! Trời có mắt chứ! Đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

– Con xin về.

Khi theo bà cả ra ga, Dung thấy người hai bên đường nhìn nàng bàn tán thì thào. Nàng biết người ta tò mò chú ý đến nàng.

Trông thấy dòng sông chảy xa xa, Dung ngậm ngùi nghĩ đến cái chết của mình. Lần này về nhà chồng, nàng mới hẳn là chết đuối, chết không bầu vịu vào

đâu được, chết không còn mong có ai cứu vớt nàng ra nữa.

Dung thấy một cảm giác chán nản và lạnh lẽo. Khi bà cả lần ruột tượng, gọi nàng lại đưa tiền lấy vé, Dung phải vội quay mặt đi để giấu mấy giọt nước mắt.

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

BUỔI SÁNG HÔM NAY, MÙA ĐÔNG ĐỘT NHIÊN ĐẾN, không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ này còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cò gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa

đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kỹ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo sạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắp lại vì rét.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vợ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi chị. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan:

– Con vào buồng lấy thùng áo ra mẹ mặc cho em, đi.

Rồi quay lại bảo Sơn:

– Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo để cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, rồi co ro đứng dậy sang phản bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót cho một chén. Sơn cầm lấy chén chè nóng áp vào mặt, và má cho ấm, rồi để mắt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo làm thế cho tỉnh mặt.

Người vú già xù xù cái áo bông cánh rách, xách siêu nước từ dưới nhà lên, vừa xuýt xoa vừa nói:

– Rét quá! Múc nước cúng cả tay.

Vú giơ tay hơ trên hỏa lò. Mẹ Sơn hỏi:

– Năm nay rét sớm hơn mọi năm vú nhỉ?

Người vú già ra vẻ nhớ lại, đáp:

– Cũng chả bằng cái năm mợ đi cân gạo bên sông. Gớm, mới rét làm sao! Sáng tôi dậy, bà sai đi chợ, cứ run lên cầm cập.

Sơn cũng nhớ cái rét năm ấy rõ rệt lắm, như mới đây thôi. Buổi sớm hôm ấy, mẹ Sơn cũng ngồi uống nước chè như sáng hôm nay và cũng lấy áo rét ra mặc.

Chị Lan tự trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái vĩ buồm, lục đồng quần áo rét. Sơn nhận ra cũng những cái áo Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia, một cái áo vệ sinh màu nâu xẫm với một cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giơ những cái áo

lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn lại nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói:

– Đây là áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. Vú già là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ:

– Giá bây giờ em nó có còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc với Sơn lại gần để mặc

áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

* * *

Sơn đã mặc xong áo ấm áp: cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại ba, bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo. Sau cùng mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo:

– Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đương đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

Không phải ngày phiên nên chợ vắng không. Mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bần rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vô vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương mắt ngắm bộ quần

áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại và, qua những áo chỗ rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng nó lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

– Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ?

Đứa khác nói:

– Ngày trước thầy tao, cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngây ngô giương mắt lên hỏi Sơn:

– Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

– Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

– Sao không lại đây, Hiền? Lại đây chơi với tôi.

Hiền là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hờ cả lưng

và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

– Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

– Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

– Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiên, đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ủ, phải đấy, để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

* * *

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già:

– Mẹ tôi đâu hả vú?

– Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mẹ còn đi ăn cỗ đến trưa mới về.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi:

– Có phải cậu đem cho con Hiên cái áo bông cũ phải không?

Sơn ngạc nhiên đáp:

– Phải. Nhưng sao vú biết?

– Con Sinh nó nói với tôi đấy. (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với vú già nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hễ mợ về nó sẽ sang mách mợ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van:

– Thế bây giờ làm thế nào, hở vú? Mợ tôi biết thì chết.

– Ai bảo cậu đại đột đem cho nó áo? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiên trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiên nhưng không thấy con bé ở đó, đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không

có nhà. Hai chị em lo sợ, đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo. Lan trách em:

– Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mợ mắng chết không.

– Ai bảo chị về lấy? Nếu chị không về lấy thì em biết đâu?

Chị Lan đầu dụi:

– Thôi, bây giờ phải về nhà vậy chứ biết làm thế nào.

– Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi:

– Đẳng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mợ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng, dắt nhau lên về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào; hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiên đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngừng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

– Kia, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiên vừa cười vừa nói:

– Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mẹ. Thôi, bây giờ, xin phép mẹ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi:

– Con Hiên nó không có áo à?

– Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng dễ dành ra được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoài nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng lấy tiền đưa cho bác Hiên:

– Đây, tôi cho mượn năm hào cầm về mà may áo cho con.

Khi bác Hiên bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo:

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?

– HẾT –

